

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

PHỤ LỤC 4
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ

Bắc Giang 10- 2020

MỤC LỤC

Phần I: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH DỊCH VỤ GIAI ĐOẠN 2011-2019	1
I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH.....	1
1. Về tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu ngành	1
2. Về phát triển một số hoạt động dịch vụ chủ yếu, tiềm năng	7
2.1. Hoạt động thương mại	7
2.2. Hoạt động xuất, nhập khẩu.....	7
2.3. Hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	7
2.4. Dịch vụ vận tải, kho bãi, logistics.....	8
2.5. Dịch vụ du lịch	9
II. HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ	11
1 Hạ tầng chợ	11
2 Siêu thị	11
3. Trung tâm thương mại	11
6. Hệ thống kho thương mại	12
7. Trung tâm dịch vụ logistics	12
8. Trung tâm hội chợ triển lãm	12
III. ĐÁNH GIÁ CHUNG	13
1. Những kết quả đạt được	13
2. Những tồn tại, hạn chế	13
Phần II PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH DỊCH VỤ TỈNH BẮC GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050	14
I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH.....	14
1. Các yếu tố, xu hướng tác động đến phát triển thương mại, dịch vụ:.....	14
2. Dự báo về xu hướng phát triển thương mại trong thời gian tới	15
II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU	15
1. Tổng quan về ngành dịch vụ.....	15
2. Tiềm năng, lợi thế và thách thức.....	16
2.1. Tiềm năng, lợi thế.....	16
2.2. Yếu kém, thách thức	17
3. Quan điểm và mục tiêu phát triển ngành dịch vụ	17
3.1. Về quan điểm.....	17

3.2. Mục tiêu phát triển.....	17
III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN.....	17
1. Ngành, sản phẩm ưu tiên thu hút đầu tư	17
2. Ngành, sản phẩm khác.....	19
3. Tầm nhìn đến năm 2050	20
II. PHÂN BỐ KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ.....	20
1. Các trung tâm đầu mối thương mại, logistics liên vùng, nội tỉnh	20
1.1. Phân bố các tuyến hành lang thương mại liên vùng, liên khu vực trong tỉnh	20
1.2. Phân bố các trung tâm đầu mối dịch vụ thương mại, logistics liên vùng, liên khu vực trong tỉnh	21
2. Phân bố phát triển không gian du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hóa, thể thao giải trí	22
2.1. Phân bố không gian các khu vực tập trung du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hóa, thể thao giải trí.....	22
2.2. Khu, điểm du lịch trọng điểm.....	24
2.3. Khu chức năng dịch vụ tổng hợp nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao.....	25
3. Quy hoạch chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, kho xăng dầu.....	29
3.1. Hạ tầng chợ.....	29
3.2. Siêu thị, trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm.....	29
3.3. Hạ tầng logistics	30
3.4. Kho xăng dầu	30
4. Bố trí không gian phát triển kinh tế ban đêm	30
4.1. Thành phố Bắc Giang	30
4.2. Khu vực tập trung KCN	30
4.3. Khu vui chơi, giải trí.....	30
5. Phân bố phát triển không gian dịch vụ xã hội	32
5.1. Phân bố phát triển các vùng dịch vụ xã hội	32
5.2. Phân bố các trung tâm dịch vụ xã hội	32
III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU	33
1. Nhiệm vụ, giải pháp chung.....	33
1.1. Nghiên cứu, ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển dịch vụ	33
1.2. Tập trung thu hút nhà đầu tư chiến lược vào đầu tư một số ngành dịch vụ quan trọng	33

1.3. Đầu tư hạ tầng.....	33
1.4. Đào tạo nguồn nhân lực	33
1.5. Cải thiện năng lực cạnh tranh	34
2. Giải pháp cụ thể đối với một số ngành, sản phẩm chủ yếu.....	34

Phần I

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH DỊCH VỤ GIAI ĐOẠN 2011-2019

I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH

1. Về tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu ngành

Ngành dịch vụ có tốc độ tăng trưởng ổn định song không cao. Tăng trưởng giai đoạn 2011 - 2019 đạt 7,4%/năm, đây là mức tăng thấp so với cả nước. Trong đó, giai đoạn 2011-2015 tăng 7,5%/năm; giai đoạn 2016-2019 tăng 7,2%. So với cả nước, ngành dịch vụ của tỉnh chiếm trong cơ cấu kinh tế khá thấp.

Thời gian qua, lĩnh vực dịch vụ vẫn duy trì được sự phát triển tương đối ổn định; trong cơ cấu ngành dịch vụ, lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, vận tải (28,5%), bất động sản (16,1%) và một số dịch vụ công như giáo dục, y tế (19,8%) vẫn chiếm tỷ trọng lớn; không ngành nào có tăng trưởng mạnh trong thời gian vừa qua, cơ cấu không có sự chuyển dịch đáng kể.

Tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ không có bước đột phá, bình quân cả giai đoạn đạt 6,9%/năm. Có 02 năm tăng trưởng đạt tốc độ cao trên 8% là các năm 2011 đạt 8,3% và, năm 2016 đạt 8,2%. Năm 2013 và 2014, ngành dịch vụ gặp nhiều khó khăn, tốc độ tăng trưởng thấp nhất lần lượt là 5,1% và 5,7%.

Trong xu thế chuyển dịch chung của ngành dịch vụ, các lĩnh vực dịch vụ cũng chuyển dịch không rõ ràng và chậm. Năm 2011 có 5/14 lĩnh vực chiếm tỷ trọng cao trên 10% là: Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô chiếm 19,9%; hoạt động kinh doanh bất động sản 17,4%; hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm 13,2%; hoạt động Đảng 12,7%, Giáo dục và Đào tạo 12,6%. Đến năm 2019, chỉ còn 3 lĩnh vực trên 10%. Một số ngành chiếm tỷ trọng lớn là Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô (17,7%); hoạt động kinh doanh bất động sản (18,6%); Giáo dục và Đào tạo (13%).

Bảng 1: Tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu, tỷ trọng VA/GO ngành dịch vụ

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Thời kỳ 2010-2020											TTBQ (2011-2020)
			2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	
I	Giá trị sản xuất (GO)	Tỷ đồng	12.207	13.559	14.187	15.166	16.131	17.362	18.590	20.079	21.455	22.966	24.590	
1	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	Tỷ đồng	1.676	1.832	1.918	2.046	2.271	2.498	2.687	3.011	3.299	3.629	5.019	
2	Vận tải, kho bãi	Tỷ đồng	1.553	1.737	1.816	1.931	2.065	2.242	2.598	2.920	3.215	3.576	3.315	
3	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	Tỷ đồng	637	672	714	770	845	941	993	1.050	1.115	1.183	879	
4	Thông tin và truyền thông	Tỷ đồng	1.248	1.868	1.980	2.101	2.256	2.426	2.683	2.881	3.103	3.305	3.579	
5	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	Tỷ đồng	1.047	1.144	1.191	1.266	1.321	1.415	1.522	1.640	1.766	1.914	2.041	
6	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Tỷ đồng	1.481	1.598	1.681	1.734	1.819	1.908	1.966	2.049	2.129	2.206	2.368	
7	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	Tỷ đồng	58	132	140	162	180	201	216	231	251	271	287	
8	Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức CT - XH; QLNN, ANQP; đảm bảo xã hội bắt buộc	Tỷ đồng	1.353	1.438	1.495	1.586	1.670	1.760	1.872	1.991	2.051	2.146	2.456	
9	Giáo dục và đào tạo	Tỷ đồng	1.557	1.722	1.801	1.937	2.032	2.122	2.233	2.365	2.503	2.632	2.756	
10	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	Tỷ đồng	545	577	578	691	717	746	788	840	893	947	1.322	
11	Khác	Tỷ đồng	1.052	840	874	941	954	1.103	1.031	1.102	1.132	1.158	568	

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Thời kỳ 2010-2020											TTBQ (2011-2020)
			2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	
II	VA - Giá 2010	Tỷ đồng	7.826	8.839	9.246	9.865	10.504	11.232	12.062	13.004	13.879	14.837	15.297	
1	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	Tỷ đồng	1.207	1.319	1.381	1.473	1.635	1.799	1.935	2.168	2.375	2.613	2.594	
2	Vận tải, kho bãi	Tỷ đồng	710	794	830	883	944	1.025	1.192	1.340	1.476	1.644	1.544	
3	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	Tỷ đồng	236	249	265	286	314	351	369	390	415	442	363	
4	Thông tin và truyền thông	Tỷ đồng	728	1.089	1.154	1.225	1.315	1.414	1.564	1.679	1.809	1.927	2.084	
5	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	Tỷ đồng	750	819	853	906	946	1.013	1.090	1.174	1.265	1.370	1.464	
6	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Tỷ đồng	1.476	1.592	1.676	1.729	1.813	1.902	1.960	2.043	2.122	2.199	2.357	
7	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	Tỷ đồng	38	86	92	106	118	132	142	152	164	177	188	
8	Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức CT - XH; QLNN, ANQP; đảm bảo xã hội bắt buộc	Tỷ đồng	1.014	1.078	1.122	1.190	1.253	1.320	1.404	1.493	1.538	1.609	1.703	
9	Giáo dục và đào tạo	Tỷ đồng	1.169	1.293	1.353	1.455	1.527	1.594	1.677	1.777	1.881	1.977	2.087	
10	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	Tỷ đồng	292	309	309	370	384	399	421	449	478	507	554	
11	Khác	Tỷ đồng	206	210	212	243	256	283	308	339	357	373	359	
III	Tốc độ tăng trưởng (VA)	%	-	112,9	104,6	106,7	106,5	106,9	107,4	107,8	106,7	106,9	103,1	106,9

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Thời kỳ 2010-2020											TTBQ (2011-2020)
			2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	
1	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	%	-	109,3	104,7	106,7	111,0	110,0	107,6	112,0	109,6	110,0	99,3	107,9
2	Vận tải, kho bãi	%	-	111,8	104,5	106,4	106,9	108,6	116,4	112,4	110,1	111,4	94,0	108,1
3	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	%	-	105,5	106,3	107,9	109,8	111,9	105,0	105,9	106,3	106,4	82,3	104,4
4	Thông tin và truyền thông	%	-	149,7	105,9	106,1	107,4	107,5	110,6	107,4	107,7	106,5	108,2	111,1
5	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	%	-	109,2	104,1	106,3	104,4	107,1	107,6	107,7	107,7	108,3	106,8	106,9
6	Hoạt động kinh doanh bất động sản	%	-	107,9	105,2	103,2	104,9	104,9	103,0	104,2	103,9	103,6	107,2	104,8
7	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	%	-	226,2	105,9	115,8	111,1	111,7	107,7	107,0	108,2	108,1	106,1	117,3
8	Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức CT - XH; QLNN, ANQP; đảm bảo xã hội bắt buộc	%	-	106,3	104,0	106,1	105,3	105,4	106,4	106,3	103,0	104,6	105,8	105,3
9	Giáo dục và đào tạo	%	-	110,6	104,6	107,6	104,9	104,4	105,2	105,9	105,8	105,1	105,6	106,0
10	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	%	-	105,8	100,2	119,7	103,7	104,0	105,6	106,6	106,3	106,1	109,3	106,6
11	Khác	%	-	101,9	101,3	114,6	105,2	110,7	108,6	110,1	105,4	104,3	96,3	105,7
IV	VA - Giá hiện hành	Tỷ đồng	7.826	10.859	12.761	14.943	16.984	18.390	20.453	23.276	26.143	28.533	27.626	

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Thời kỳ 2010-2020											TTBQ (2011-2020)
			2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	
1	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	%	15,4	14,4	16,2	16,2	16,4	16,9	16,7	17,0	17,2	17,7	18,4	
2	Vận tải, kho bãi	%	9,1	8,1	8,3	8,1	8,2	7,7	7,8	7,9	8,4	8,4	8,3	
3	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	%	3,0	2,8	2,7	2,7	2,7	2,7	2,6	2,5	2,4	2,4	2,1	
4	Thông tin và truyền thông	%	9,3	8,3	8,1	8,0	7,7	7,6	7,6	7,2	6,9	6,7	7,6	
5	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	%	9,6	8,8	8,8	8,7	8,1	8,0	7,8	7,6	7,3	7,3	7,7	
6	Hoạt động kinh doanh bất động sản	%	18,9	19,7	21,2	22,1	23,1	22,6	21,3	20,4	19,2	18,6	20,4	
7	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	%	0,5	1,1	1,1	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0	0,9	0,9	1,0	
8	Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức CT - XH; QLNN, ANQP; đảm bảo xã hội bắt buộc	%	13,0	11,2	10,9	10,3	10,0	9,6	9,4	8,9	9,0	9,1	10,2	
9	Giáo dục và đào tạo	%	14,9	12,4	11,7	11,4	11,7	12,5	12,5	12,3	12,7	13,0	14,5	
10	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	%	3,7	3,4	3,1	3,9	3,7	3,7	4,9	6,7	6,6	6,7	7,7	
11	Khác	%	2,6	9,6	7,8	7,5	7,4	7,6	8,3	8,6	9,3	9,2	2,1	

- Tỷ trọng VA/GO

Ngành dịch vụ là ngành có tỷ lệ VA/GO ở mức cao nhất trong 3 ngành kinh tế, điều đó phản ánh hiệu quả sản xuất của ngành này ở mức khá cao. Hầu hết các lĩnh vực dịch vụ có tỷ lệ VA/GO chuyển dịch không rõ rệt, tăng, giảm không ổn định. Điều này cho thấy, các ngành dịch của tỉnh nói chung chưa có sự phát triển đột phá, chưa có sự cải thiện về chất lượng dịch vụ để làm tăng giá trị gia tăng.

2. Về phát triển một số hoạt động dịch vụ chủ yếu, tiềm năng

2.1. Hoạt động thương mại

Các hoạt động thương mại đã thu hút được các nguồn lực xã hội từ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng chợ, siêu thị đến bán buôn, bán lẻ, bảo đảm nhu cầu tiêu dùng và sản xuất cho nhân dân, doanh nghiệp. Hoạt động thương mại đã thu hút đông đảo lực lượng lao động tham gia. Số lượng lao động của ngành đứng thứ ba, chỉ sau ngành nông nghiệp và ngành công nghiệp chế biến chế tạo. Tổng mức bán lẻ hàng hoá, dịch vụ có mức tăng khá trong giai đoạn vừa qua, bình quân giai đoạn 2011-2019 là 16,7%/năm, năm 2019 đạt 28.326 tỷ đồng.

Trong những năm gần đây, hoạt động hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại của tỉnh đã được chú trọng. Hàng năm, Sở Công Thương và UBND các huyện/thành phố phối hợp với các Ban ngành Trung ương và địa phương đã tổ chức các sự kiện, Hội chợ triển lãm... Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh hiện chưa có trung tâm hội chợ triển lãm, vì vậy các hoạt động này thường phải tổ chức ngoài trời tại Quảng trường 3/2, công viên, khu phố đi bộ khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang... Điều này làm giảm tính chuyên nghiệp cũng như tính chủ động trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại.

2.2. Hoạt động xuất, nhập khẩu

Với sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp, kim ngạch xuất khẩu của tỉnh có mức tăng trưởng vượt bậc, tăng từ 333 triệu USD (năm 2010) lên 9.179 triệu USD (năm 2019); tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2019 là 44,6%. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của tỉnh là: hàng may mặc, thiết bị, linh kiện điện tử, hàng nông sản. Trong đó hàng điện tử (chiếm 55%), may mặc (chiếm 40%) và nông sản (chiếm 2%). Thị trường xuất khẩu chủ yếu: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Malaysia, Indonesia, Ấn Độ, Mỹ, Canada, Nga, Uzbekistan, Asean...

Kim ngạch nhập khẩu tăng từ 342,8 triệu USD (năm 2010) đến 8.735,8 triệu USD (năm 2019); tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2019 là 43,3%. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu: linh kiện điện tử (chiếm 32%), nguyên phụ liệu may mặc (chiếm 30%), máy móc, thiết bị (chiếm 22%). Thị trường nhập khẩu chủ yếu: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản...

2.3. Hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm

Quy mô VA chiếm 7,3% quy mô ngành, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2019 đạt 7%/năm. Đây là ngành có giá trị gia tăng cao, tuy nhiên, trong thời gian qua tốc độ phát triển còn chậm. Cần phải thúc đẩy phát triển mạnh hơn nữa trong thời gian tới để nâng cao chất lượng ngành dịch vụ.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 16 chi nhánh ngân hàng thương mại, tăng 7 chi nhánh, 76 phòng giao dịch, tăng 13 phòng so với năm 2010; 20 quỹ tín dụng nhân dân. Hệ thống các cơ sở ngân hàng trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu vốn tín dụng cho phát triển kinh tế - xã hội.

Tổng dư nợ tín dụng năm 2019 đạt 52.748 tỷ đồng, gấp 4,4 lần so với năm 2010. Các ngân hàng đã tập trung vốn để cho vay các lĩnh vực trọng tâm, nhất là các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng tâm của tỉnh.

2.4. Dịch vụ vận tải, kho bãi, logistics

Trong thời gian qua, tỉnh đã quan tâm đầu tư hệ thống đường giao thông, bến xe, trạm dừng nghỉ, bãi đỗ xe..., tạo điều kiện cho phát triển dịch vụ vận tải, kho bãi. Khối lượng vận chuyển hàng hóa, hành khách tăng trung bình từ 12-14%/năm. Năm 2019, khối lượng vận chuyển hành khách đạt 32,86 triệu lượt, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2011-2019 đạt 12,7%/năm; khối lượng vận chuyển hàng hoá đạt 33,98 triệu tấn, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2019 là 13,5%/năm. Thị phần vận tải đường bộ vẫn chiếm vai trò chính đối với cả vận tải hàng hóa (chiếm 95,89%) và hành khách (chiếm 98,62%). Tuy nhiên, kết nối đa phương thức vận tải giữa các loại hình đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa hạn chế, chưa thể phát huy được lợi thế vận tải giá rẻ của các loại hình đường sắt, đường thủy nội địa.

Trên địa bàn tỉnh có 44 kho thương mại. Hệ thống kho chủ yếu dùng để phục vụ kinh doanh các mặt hàng nông sản, lương thực, phân bón, bách hoá, vật liệu xây dựng của các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh. So với nhu cầu của hoạt động thương mại trên địa bàn tỉnh hiện nay thì hệ thống kho hiện tại chưa đáp ứng được.

Với lợi thế nằm trên hành lang kinh tế Lạng Sơn – Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, có QL1A chạy qua, và là tỉnh có vị trí là “cửa ngõ kép”, tỉnh có điều kiện để phát triển mạnh dịch vụ logistics và nằm trong quy hoạch phát triển dịch vụ logistics cả nước. Tuy nhiên, tỉnh vẫn chưa khai thác được tiềm năng, lợi thế này. Tỉnh cần phải thực hiện thu hút đầu tư, tạo điều kiện để đẩy mạnh phát triển dịch vụ này trong thời gian tới nhằm nâng cao chất lượng ngành dịch vụ và tham gia sâu hơn vào các chuỗi giá trị.

Hiện nay, tỉnh đã quy hoạch và thu hút được nhà đầu tư thực hiện Dự án hạ tầng kho bãi Logistic Quốc tế thành phố Bắc Giang với mục tiêu xây dựng một Trung tâm Logistic hiện đại, đa chức năng, tạo thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng, tập kết hàng hóa kết nối với các hành lang kinh tế và phục vụ hoạt động giao thương quốc tế.

2.5. Dịch vụ du lịch

Xác định du lịch là ngành có giá trị gia tăng cao và là ngành mà tỉnh có tiềm năng, điều kiện phát triển. Trong thời gian qua, tỉnh đã thực hiện nhiều biện pháp để hướng tới mục tiêu phát triển mạnh ngành du lịch.

Tỉnh đã quy hoạch, đầu tư và thu hút đầu tư vào các khu, điểm du lịch của tỉnh với các sản phẩm du lịch chính là du lịch văn hóa - tâm linh, thể thao nghỉ dưỡng như Khu Du lịch Tâm linh - Sinh thái Tây Yên Tử; Sân golf, dịch vụ Yên Dũng; Khu di tích lịch sử lưu niệm Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân (Khu 12), Di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm Chiến thắng Xương Giang; Thiền Viện Trúc Lâm Phượng Hoàng, huyện Yên Dũng...

Một số dự án phát triển du lịch quan trọng khác cũng được quy hoạch, tích cực triển khai như Dự án sân golf huyện Việt Yên; Dự án sân golf và nghỉ dưỡng Bắc Giang (huyện Lục Nam); Quần thể du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái thể thao và vui chơi giải trí FLC Bắc Giang tại khu vực hồ Khuôn Thần huyện Lục Ngạn, Khu du lịch sinh thái khe Hang Dầu, huyện Yên Dũng, Khu du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng hồ suối Nứa huyện Lục Nam; các di tích Quốc gia đặc biệt (Những điểm khởi nghĩa Yên Thế, Chùa Vĩnh Nghiêm, Chùa Bồ Đà); Khu di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng chùa Am Vãi, huyện Lục Ngạn; Chùa Bát Nhã (Bình Long cổ tự), huyện Lục Nam; Khu du lịch tâm linh - sinh thái Núi Dành, huyện Tân Yên; Cụm di tích xã Tiên Lục và cây Dã Dương, huyện Lạng Giang; Khu di tích Đồi Văn hóa kháng chiến xã Quang Tiến, huyện Tân Yên,...

Đến hết năm 2019, toàn tỉnh đã có 01 khu, 08 điểm du lịch cấp tỉnh được công nhận, chưa có khu du lịch quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Hệ thống cơ sở lưu trú du lịch hiện có 460 cơ sở trong đó 29 khách sạn (01 khách sạn 4 sao, 03 khách sạn 3 sao, 08 khách sạn 2 sao và 17 khách sạn 1 sao) và 431 nhà nghỉ, ngoài ra có khoảng 10 hộ làm du lịch cộng đồng tại xã Vĩnh An, huyện Sơn Động, xã Xuân Lương huyện Yên Thế. Loại hình các cơ sở lưu trú tỉnh chủ yếu là nhà nghỉ với quy mô nhỏ.

Bảng 2: Số lượng cơ sở lưu trú du lịch

Danh mục	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng số cơ sở lưu trú du lịch	235	285	306	312	330	316	360	360	460
Khách sạn									
Khách sạn 4 sao	0	0	0	1	1	1	1	1	1
Khách sạn 3 sao	0	0	0	0	0	0	2	0	3
Khách sạn 2 sao	9	9	8	8	10	7	8	8	8

Danh mục	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Khách sạn 1 sao	7	8	9	10	15	16	13	15	17
Nhà nghỉ	219	268	289	293	304	292	336	336	431
Số lượng buồng nghỉ	2.500	3.000	3.200	3.450	4.160	4.250	4.700	5.000	5.200

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang

** Phát triển không gian, sản phẩm du lịch:*

Một số không gian du lịch bước đầu được hình thành như: (1) Khu vực phía Đông tỉnh (huyện Lục Ngạn, Sơn Động) tập trung khu vực rừng nguyên sinh Khe Rỗ, Khu du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử, Đồng Cao, du lịch cộng đồng An Lạc, huyện Sơn Động và vườn cây ăn quả huyện Lục Ngạn. (2) Khu vực phía Tây tỉnh (huyện Yên Thế, Việt Yên) tập trung khu vực Khu di tích khởi nghĩa Yên Thế, chùa Bồ Đà. (3) Khu vực trung tâm tỉnh (thành phố Bắc Giang, huyện Yên Dũng, Lục Nam) hoạt động du lịch phát triển tại một số điểm như chùa Vĩnh Nghiêm, Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ.

Các tour du lịch, các tuyến du lịch liên tỉnh hình thành theo đường bộ kết nối Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Dương, Lạng Sơn, Thái Nguyên; tuyến nội tỉnh kết nối từ thành phố Bắc Giang đi các huyện.

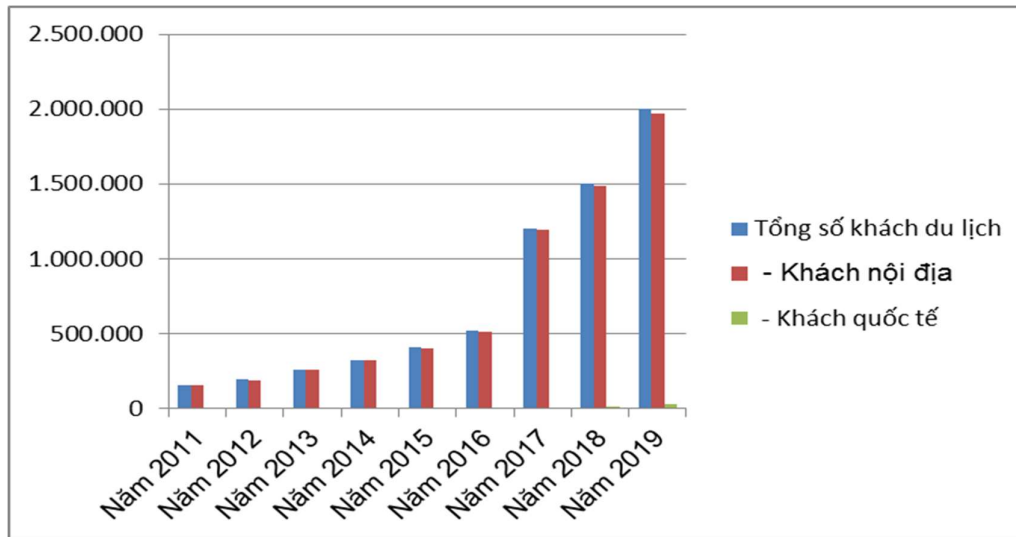
Một số sản phẩm du lịch chính được hình thành, tạo điểm nhấn cho du lịch Bắc Giang như: Du lịch văn hóa - tâm linh gắn với các di tích đình, chùa (Du lịch Tây Yên Tử - theo dấu chân Phật Hoàng Trần Nhân Tông; Vĩnh Nghiêm, Bồ Đà, đình Lỗ Hạnh ...); du lịch lịch sử - văn hóa gắn với các sự kiện, di tích lịch sử (khởi nghĩa Yên Thế, thành cổ Xương Giang, ATKII Hiệp Hòa ...); du lịch sinh thái gắn với các cảnh quan tự nhiên (Khe Rỗ, Tây Yên Tử, Đồng Cao, Xuân Lung - Thác Ngà, hồ Cẩm Sơn, Khuôn Thần ...); du lịch cộng đồng, trải nghiệm đời sống sinh hoạt cộng đồng các dân tộc (bản Ven, xã Xuân Lương, huyện Yên Thế; bản Nà Ó, xã Vĩn An, huyện Sơn Động).

Ngành du lịch của tỉnh mới đang ở trong giai đoạn đầu của sự phát triển, do vậy, đóng góp của ngành cho phát triển kinh tế - xã hội còn thấp.

** Về khách du lịch và doanh thu từ khách du lịch*

Lượng khách du lịch Bắc Giang có sự tăng trưởng qua các năm, năm 2011 có 160 nghìn lượt khách, chiếm 0,44% tổng khách du lịch cả nước. Đến năm 2019, có khoảng 2.026 nghìn lượt khách (chiếm 2,35% tổng khách du lịch cả nước). Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2019 đạt 37,35%/năm.

Năm 2019, tổng chi tiêu của khách du lịch đến tỉnh 787 tỷ đồng, trung bình là khoảng trên 380 nghìn/hành khách.

Hình 1: Khách du lịch đến Bắc Giang giai đoạn 2011-2019

II. HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ

1 Hạ tầng chợ

Đến hết năm 2019, trên địa bàn tỉnh có 133 chợ, trong đó có 2 chợ hạng I (chiếm 1,5%), 22 chợ hạng II (chiếm 16,5%), 109 chợ hạng III (chiếm 82%). Mật độ bình quân 1,57 xã, phường, thị trấn/chợ. Phần lớn chợ của tỉnh là chợ bán lẻ (131/133 chợ, chiếm 98,5%), phục vụ nhu cầu dân sinh, chưa có chợ chuyên doanh, chợ đầu mối. Từ 2010 đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh có 43 chợ được xây mới (tính cả các chợ xây mới trên nền đất cũ) và 17 chợ được cải tạo. Có 04 chợ hiện nay không hoạt động, do không có người họp (chợ Khu dân cư số 1 - thành phố Bắc Giang; chợ Tiến Sơn - Tân Yên; chợ Đình Trám - Việt Yên và chợ Nông sản - Lục Ngạn). Tỷ trọng phân phối hàng tiêu dùng qua chợ chiếm khoảng 55%. Tổng vốn đầu tư hạ tầng chợ giai đoạn 2011-2019 là 750,2 tỷ đồng; trong đó vốn ngân sách nhà nước là 101 tỷ đồng, vốn ngoài ngân sách nhà nước 649,2 tỷ đồng.

2 Siêu thị

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 08 siêu thị, trong đó tại thành phố Bắc Giang (06 siêu thị); huyện Yên Dũng (01 siêu thị) và huyện Lạng Giang (01 siêu thị). Cả 8/8 siêu thị đều được xây dựng theo quy hoạch; trong đó, có 04 siêu thị nằm trong TTTM (siêu thị BigC, siêu thị điện máy Xanh, siêu thị điện máy mediamart, siêu thị điện máy Pico); 04 siêu thị tổng hợp, 04 siêu thị chuyên doanh. Hàng hoá kinh doanh trong siêu thị, TTTM rất đa dạng, phong phú.

3. Trung tâm thương mại

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 08 trung tâm thương mại (TTTM), trong có 07 TTTM nằm trong quy hoạch của tỉnh, 01 TTTM nằm ngoài quy hoạch. Trong số các

TTTM đang hoạt động, có 03 TTTM bước đầu hoạt động có hiệu quả (*bao gồm: TTTM BigC, TTTM liên cơ quan và TTTM Hapro*); còn lại các TTTM khác, đều đầu tư chậm tiến độ, sai quy hoạch, chia nhỏ thành nhiều dự án, cụ thể:

- TTTM dịch vụ tổng hợp Hải An I, II, III, IV do HTX đầu tư xây dựng quản lý và khai thác chợ Hải An đầu tư, địa điểm tại phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang (*nằm cạnh Công viên Hoàng Hoa Thám*), không nằm trong Quy hoạch mạng lưới chợ, siêu thị, TTTM trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 (*được phê duyệt tại Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 22/4/2009 và các quyết định điều chỉnh, bổ sung của UBND tỉnh*).

+ TTTM Trung Tín và TTTM thị trấn Vôi đầu tư chậm tiến độ;

+ TTTM và khách sạn cao cấp Đồng mang cá và TTTM Huy Hoàng chia nhỏ thành nhiều dự án.

6. Hệ thống kho thương mại

Theo kết quả khảo sát của Sở Công Thương Bắc Giang, trên địa bàn tỉnh có khoảng 44 kho thương mại. Hệ thống kho chủ yếu dùng để phục vụ kinh doanh các mặt hàng nông sản, lương thực, phân bón, bách hoá, vật liệu xây dựng của các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh. So với nhu cầu của hoạt động thương mại trên địa bàn tỉnh hiện nay thì hệ thống kho hiện tại chưa đáp ứng được.

7. Trung tâm dịch vụ logistics

Trên địa bàn tỉnh Bắc Giang hiện nay đang thực hiện 01 Dự án hạ tầng kho bãi Logistic Quốc tế thành phố Bắc Giang được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 13/10/2017, với diện tích đất thực hiện dự án khoảng 71,66ha tại Xã Song Khê, thành phố Bắc Giang. Mục tiêu, quy mô dự án xây dựng một Trung tâm Logistic hiện đại, đa chức năng, tạo thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng, tập kết hàng hóa kết nối với các hành lang kinh tế và phục vụ hoạt động giao thương quốc tế, với quy mô: Dịch vụ kho lưu trữ hàng hóa 700.000 lượt/năm; Kinh doanh trạm dừng nghỉ 100.000 lượt/năm; Hoạt động dịch vụ thanh toán, xuất nhập khẩu, hải quan 80.000 lượt/năm. Tổng vốn đầu tư dự kiến khoảng 4.194,6 tỷ đồng, được chia làm 03 giai đoạn thực hiện. Hiện nay, Dự án đang triển khai thực hiện giai đoạn 1.

8. Trung tâm hội chợ triển lãm

Trong những năm gần đây, hoạt động hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại của tỉnh đã được chú trọng. Hàng năm, Sở Công Thương và UBND các huyện/thành phố phối hợp với các Ban ngành Trung ương và địa phương đã tổ chức các sự kiện, Hội chợ triển lãm... Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh hiện chưa có trung tâm hội chợ triển lãm, vì vậy các hoạt động này thường phải tổ chức ngoài trời tại Quảng trường 3/2, công viên, khu phố đi bộ khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang... Điều này làm giảm tính chuyên nghiệp cũng như tính chủ động trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

Hoạt động thương mại được mở rộng với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, đáp ứng nhu cầu của sản xuất và đời sống, góp phần ổn định giá cả thị trường tăng cường, thúc đẩy sản xuất phát triển, giải quyết việc làm. Do đó đã đáp ứng được nhu cầu của sản xuất, phục vụ tiêu dùng, phát triển xuất khẩu, góp phần vào tăng trưởng chung của nền kinh tế và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hạ tầng thương mại có những bước phát triển đáng kể, góp phần mở rộng giao lưu hàng hóa, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của nhân dân. Mô hình tổ chức kinh doanh phát triển đa dạng, xuất hiện nhiều phương thức kinh doanh tiên tiến, hiện đại theo hướng chuyên nghiệp (trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích, cửa hàng tự chọn...) có xu hướng ngày càng tăng.

- Hoạt động xúc tiến thương mại các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng kết hợp quảng bá, giới thiệu văn hóa, du lịch của tỉnh được đẩy mạnh và đi vào chiều sâu; mang lại hiệu quả rõ nét, đặc biệt là công tác xúc tiến tiêu thụ Vải thiều hàng năm được thực hiện hiệu quả đã góp phần nâng cao giá trị, thương hiệu của tỉnh trong nước và quốc tế.

- Mạng lưới các cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang được phân bố đều trên các tuyến đường tại các huyện, thành phố, đồng bộ và phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, của các huyện, thành phố.

2. Những tồn tại, hạn chế

- Ngành thương mại, dịch vụ của tỉnh trong giai đoạn 2011-2019 chưa có phát triển đột phá.

- Phát triển mạng lưới chợ, TTTM và siêu thị chưa đạt được mục tiêu đề ra theo Quy hoạch. Việc chuyển đổi mô hình tổ chức kinh doanh, khai thác và quản lý chợ theo Quy định tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP, Nghị định số 114/2009/NĐ-CP và Quyết định số 192/2012/QĐ-UBND (nay là Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND) còn chậm, có một số huyện đến nay chưa chuyển đổi được chợ nào; Hiện nay, nhiều chợ nông thôn, miền núi đã xuống cấp nhưng không có kinh phí để cải tạo nâng cấp.

- Khối lượng hàng hóa lưu thông qua các loại hình kinh doanh hiện đại như TTTM, siêu thị, cửa hàng tiện lợi còn chiếm tỷ trọng nhỏ; lưu thông qua các loại hình kinh doanh truyền thống (chợ) vẫn là chủ yếu và mang tính phổ biến, điều đó phản ánh năng lực cạnh tranh của ngành thương mại tỉnh còn rất hạn chế. Mối quan hệ giữa sản xuất với lưu thông phân phối chưa chặt chẽ, chưa gắn kết thương mại với sản xuất và dịch vụ. Chưa có hệ thống kinh doanh của các tập đoàn kinh tế lớn.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH DỊCH VỤ TỈNH BẮC GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Các yếu tố, xu hướng tác động đến phát triển thương mại, dịch vụ:

- *Dân số và đô thị hóa*: Cùng với sự phát triển, quá trình đô thị hóa được đẩy nhanh, tỷ lệ người sống trong các khu đô thị có xu hướng ngày càng tăng sẽ làm thay đổi phương thức tiêu dùng, mức độ tiêu dùng, cơ cấu mặt hàng của người dân trong tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

- *Thu nhập và sức mua*: Thu nhập của người dân trên địa bàn tỉnh đã tăng lên đáng kể trong 10 năm qua và dự kiến tiếp tục tăng nhanh do tỉnh tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội ở mức cao. Mức thu nhập bình quân đầu người tăng sẽ dẫn tới việc gia tăng sức mua và thay đổi cơ cấu, phương thức tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ của người dân.

- *Xu hướng tiêu dùng*: Dự báo các loại hình thương mại dịch vụ văn minh, hiện đại, thương mại điện tử sẽ thay đổi dần thói quen mua bán truyền thống. Tuy nhiên, chợ và cửa hàng tổng hợp sẽ vẫn là những kênh bán lẻ quan trọng, phục vụ nhu cầu đời sống của người dân, nhất là đối với khu vực nông thôn. Nhu cầu về thực phẩm sạch, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm sẽ được quan tâm nhiều hơn. Tỷ trọng chi tiêu cho các nhóm mặt hàng lương thực, thực phẩm sẽ giảm mạnh, gia tăng chi tiêu cho nhà cửa, đi lại, giáo dục, giải trí, du lịch và nhà hàng. Thị hiếu tiêu dùng của nhóm dân số có mức thu nhập trung bình trở lên sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ tới hoạt động thương mại. Đây là xu hướng đang và sẽ tiếp tục diễn ra trong thời gian tới khi thu nhập và đời sống của người dân gia tăng.

- *Xu hướng phát triển sản xuất*: Yêu cầu cao hơn về chất lượng sản phẩm sạch, an toàn và thân thiện với môi trường và xu hướng ưa chuộng các mặt hàng có nguồn gốc tự nhiên; nhu cầu đa dạng hóa sản phẩm và quan tâm đến các mặt hàng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe. Người tiêu dùng quan tâm hơn đến hình thức, mẫu mã, thương hiệu, đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm dịch vụ hậu mãi vì vậy các doanh nghiệp cần đầu tư xây dựng thương hiệu, quảng bá xây dựng niềm tin và giữ vững uy tín đối với người tiêu dùng. Tập trung vào nhiều phân khúc thị trường để phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của mọi tầng lớp tiêu dùng.

- *Phương thức kinh doanh thương mại*: Xu hướng gia tăng mối liên kết giữa các nhà sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong cùng một kênh phân phối và gia tăng tính cạnh tranh trên thị trường bán lẻ sẽ kéo theo xu hướng nâng cao chất lượng dịch vụ; hệ thống siêu thị mini và hệ thống cửa hàng tổng hợp, cửa hàng tiện lợi tại khu vực nông thôn sẽ

phát triển mạnh, mua sắm tại các chợ truyền thống sẽ giảm dần; xu hướng phát triển thương mại điện tử sẽ thay cho loại hình bán lẻ truyền thống. Bên cạnh đó là sự phát triển của các loại hình khác như mua sắm tại các trung tâm thương mại tổng hợp kết hợp giải trí và ăn uống, mua sắm tại cửa hàng tiện lợi đang là xu hướng của người tiêu dùng, đặc biệt là những thế hệ trẻ tuổi.

- *Xu hướng hội nhập*: Các cam kết WTO về mở cửa hoàn toàn thị trường phân phối cùng các hiệp định thương mại thế hệ mới, cộng đồng kinh tế ASEAN sẽ hướng đến một sân chơi thương mại không biên giới, trong thời gian tới các hãng bán lẻ nước ngoài sẽ xuất hiện ngày càng nhiều trên thị trường bán lẻ của Việt Nam nói chung và tỉnh Bắc Giang nói riêng, cạnh tranh trong lĩnh vực bán lẻ sẽ ngày càng gay gắt.

2. Dự báo về xu hướng phát triển thương mại trong thời gian tới

- Lĩnh vực thương mại, dịch vụ phát triển ổn định song song với phát triển công nghiệp. Trong thời gian tới với thành phố Bắc Giang vẫn sẽ là trung tâm dịch vụ, thương mại của tỉnh; phát triển thị trấn trung tâm các huyện là trung tâm dịch vụ, thương mại của khu vực; Việt Yên, Hiệp Hòa sẽ trở thành trọng điểm phát triển dịch vụ để đáp ứng nhu cầu người lao động tại các khu công nghiệp; thị trấn Chũ trở thành trung tâm dịch vụ thương mại khu vực phía Đông của tỉnh.

- Trong bốn phân ngành của dịch vụ phân phối, bán lẻ vẫn là phân ngành phát triển mạnh nhất. Dịch vụ bán buôn dự kiến sẽ từng bước phát triển gắn với quy mô trong sản xuất nông nghiệp cũng như việc mở cửa thị trường hàng hóa và sự tham gia của các doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực bán buôn.

- Các loại hình hạ tầng thương mại hiện đại sẽ phát triển nhanh, tập trung ở các đô thị, cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ với các loại hình truyền thống. Tuy nhiên thương mại truyền thống, đặc biệt là chợ truyền thống sẽ vẫn giữ vị trí, vai trò và giá trị của nó ở khu vực nông thôn.

- Hạ tầng thương mại phát triển theo hướng: trung tâm thương mại đa năng, phức hợp đáp ứng nhu cầu mua sắm, vui chơi, giải trí; siêu thị đáp ứng nhu cầu hàng hóa đa dạng, có nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, đặc biệt là đối với thực phẩm sơ chế, chế biến.

- Các hình thức bán lẻ hiện đại không qua cửa hàng (mua sắm trực tuyến) sẽ ngày một phát triển, tỷ trọng trong tổng mức bán lẻ sẽ gia tăng. Thương mại điện tử phát triển mạnh theo xu hướng dựa trên mạng điện thoại di động và gắn kết chặt chẽ với bán lẻ truyền thống, hình thành hình thức phân phối với nhiều loại hình, kênh phân phối khác nhau.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Tổng quan về ngành dịch vụ

Ngành dịch vụ là một trong 3 trụ cột chính, quan trọng đối với nền kinh tế. Quy mô giá trị thời gian qua không ngừng được nâng cao, đóng góp tích cực cho tăng trưởng,

phát triển kinh tế. Năm 2019, tổng giá trị gia tăng (giá hiện hành) đạt 26.480 tỷ đồng, chiếm 24,3% trong cơ cấu kinh tế; gấp 3,4 lần về giá trị, giảm 6,3% về cơ cấu kinh tế so với năm 2010. Đây là ngành có tỷ trọng VA trong GO cao nhất trong 3 ngành kinh tế; là ngành mà quá trình phát triển đảm bảo tốt mục tiêu phát triển bền vững, ít có các tác động xấu đến môi trường.

2. Tiềm năng, lợi thế và thách thức

2.1. Tiềm năng, lợi thế

(1) Bắc Giang gần các trung tâm phát triển của cả nước, nằm trên hành lang kinh tế Nam Ninh – Lạng Sơn - Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, có đầy đủ cả đường bộ, đường sắt, đường thủy, là điều kiện phát triển dịch vụ vận tải, kho bãi, logistic, dịch vụ thương mại.

(2) Bắc Giang là cửa ngõ vùng đồng bằng sông Hồng, chuyển tiếp vùng miền núi phía Bắc rộng lớn, có tiềm năng phát triển các loại hình dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ thương mại.

(3) Bắc Giang có thị trường với trên 1,8 triệu dân, có thể khai thác, phát triển dịch vụ thương mại, thông tin và truyền thông, giáo dục và đào tạo, y tế ...

(4) Bắc Giang có diện tích tự nhiên rộng, điều kiện thiên nhiên với nhiều cảnh đẹp hấp dẫn, thảm thực vật, động vật phong phú; nổi bật Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử có nhiều cảnh đẹp như rừng nguyên sinh Khe Rỗ, thắng cảnh suối Nước Vàng, Đòng Bài, Đòng Rì, Khe Đin, Đá Ngang; khu Đòng Cao, khu du lịch sinh thái Suối Mỡ, hồ Khuôn Thần, hồ Cẩm Sơn, dãy núi Nham Biền, các hồ suối Nứa, khe Chão, thác Ba Tia, Thác Ngà, đập đá ong, sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam ... là các thắng cảnh đẹp, có thể khai thác phát triển các loại hình du lịch. Bắc Giang có nền văn hóa phong phú, đa dạng với sự giao thoa giữa hai miền văn hóa Việt cổ và văn hóa Tày Nùng... Văn hóa Bắc Giang mang tính chất tự hội văn hóa người Việt, với nhiều cộng đồng dân sinh sống, là vùng đất cổ có bề dày lịch sử, văn hóa lâu đời với trên 2.200 di tích lịch sử, văn hóa trải khắp trên địa bàn toàn tỉnh, hiện có trên 700 di tích được xếp hạng, trong đó 4 di tích và cụm di tích quốc gia đặc biệt, di tích khu lưu niệm Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân. Đặc biệt Bắc Giang còn là nơi gắn liền với Thiên phái Trúc Lâm do Phật Hoàng Trần Nhân Tông sáng lập với hệ thống các di tích còn lưu giữ đến ngày nay như Chùa Vĩnh Nghiêm, Am Vãi, một số di tích đang được khảo cổ và định hướng phục dựng thời gian tới như chùa Hòn Tháp, Mã Yên, Bát Nhã, Hồ Bắc, Thanh Mai... Nghệ thuật trình diễn dân gian của Bắc Giang rất đa dạng và phong phú như Quan họ, Ca trù, dân ca Cao Lan, dân ca Sán Chí,... là những loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian đặc sắc. Trong đó có 2 di sản được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và Ca trù được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp... là tiềm năng để phát triển du lịch.

2.2. Yếu kém, thách thức

(1) Một số loại hình dịch vụ chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ của các địa phương trong vùng như dịch vụ vận tải kho bãi, du lịch...

(2) Cơ sở hạ tầng còn chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu đồng bộ, chất lượng thấp, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, dịch vụ...

(3) Liên kết chuỗi trong hoạt động dịch vụ hầu như chưa có, nhất là dịch vụ vận tải, du lịch.

(4) Năng lực quản lý, nhân lực trong hoạt động dịch vụ còn yếu kém, thiếu tính chuyên nghiệp...

3. Quan điểm và mục tiêu phát triển ngành dịch vụ

3.1. Về quan điểm

(1) Phát triển ngành dịch vụ theo hướng hiện đại, trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững và mang lại thu nhập cao cho người lao động.

(2) Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ để đáp ứng ngày tốt hơn nhu cầu xã hội. Phát triển cả dịch vụ sản xuất và dịch vụ công; vừa tạo ra giá trị gia tăng, vừa đảm bảo nâng cao chất lượng các dịch vụ công phục vụ nhu cầu thiết yếu của nhân dân như dịch vụ hành chính, y tế, giáo dục ...

(3) Phát triển dịch vụ gắn với phát triển các ngành kinh tế quan trọng, chủ lực của tỉnh để dịch vụ thực sự là nhân tố quan trọng thúc đẩy các ngành khác phát triển.

3.2. Mục tiêu phát triển

Phát triển ngành dịch vụ đa dạng, hiện đại, bền vững; phát triển cả dịch vụ sản xuất, dịch vụ xã hội và dịch vụ công. Trong đó tập trung phát triển, phát triển đột phá một số dịch vụ có tiềm năng, lợi thế, ngành dịch vụ có sức cạnh tranh cao, đưa Bắc Giang trở thành cửa ngõ, trung tâm trung chuyên hàng hóa, vận tải, kho bãi, logistic, thương mại của vùng; hình thành và phát triển các khu du lịch quốc gia, đưa dịch vụ du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng; tiếp tục ưu tiên phát triển ngành dịch vụ thiết yếu; khuyến khích phát triển các loại dịch vụ mới. Nâng cao chất lượng, khả năng liên kết giữa các ngành dịch vụ để nâng cao sức cạnh tranh. Đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ công như giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, dịch vụ hành chính công. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt 9-10%/năm.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Ngành, sản phẩm ưu tiên thu hút đầu tư

(1) Dịch vụ bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy và xe có động cơ khác

Tập trung phát triển dịch vụ thương mại rộng khắp, đáp ứng nhu cầu mua sắm của nhân dân, trở thành ngành dịch vụ chủ lực, có mức tăng trưởng bình quân trên 10%/năm, tỷ trọng chiếm trên 20% của ngành.

Quy hoạch và thu hút đầu tư Trung tâm dịch vụ tổng hợp cấp vùng (chợ cấp vùng) tại thành phố Bắc Giang, là đầu mối giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt nông sản của địa phương, là đầu mối xuất, nhập khẩu, tiêu thụ hàng hóa của vùng; tiếp tục thu hút đầu tư các siêu thị, trung tâm thương mại tại các đô thị; chợ tại vùng nông thôn; tiếp tục nâng cao chất lượng, đa dạng hình thức bán buôn, bán lẻ, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong chi tiêu, mua sắm.

(2) Dịch vụ vận tải, kho bãi, logistic

Phát triển dịch vụ vận tải, kho bãi, logistic đa dạng, hiện đại, trở thành ngành dịch vụ chủ lực, có mức tăng trưởng bình quân trên 11%/năm, tỷ trọng chiếm trên 15% của ngành.

Tập trung phát triển dịch vụ vận tải, kho bãi rộng khắp, đáp ứng tốt hơn nhu cầu vận chuyển hàng hóa, lưu kho, đóng gói ... của doanh nghiệp và người dân. Tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Trung tâm logistic thành phố Bắc Giang, sớm đưa vào khai thác. Quy hoạch các cảng tổng hợp, cảng đường thủy nội địa để tăng cường vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy với lợi thế cước vận chuyển rẻ; khai thác tốt tuyến đường sắt Hà Nội – Lạng Sơn; Bắc Giang – Hạ Long, quy hoạch ga đường sắt kết hợp với hệ thống kho, lưu trữ hàng hóa khu vực huyện Việt Yên; tiếp tục mở các tuyến xe khách liên tỉnh, xe buýt nội tỉnh, từ trung tâm đến các khu, điểm du lịch ...

(3) Dịch vụ du lịch

Tạo bước đột phá về phát triển du lịch, để du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội nhanh, bền vững. Xây dựng Bắc Giang trở thành điểm du lịch quan trọng trên tuyến du lịch Hà Nội - Lạng Sơn; Thái Nguyên - Quảng Ninh. Xây dựng được thương hiệu du lịch Bắc Giang là điểm đến văn hóa - tâm linh, sinh thái hấp dẫn. Đến năm 2030, đón khoảng 4 triệu lượt khách (trong đó khách quốc tế khoảng 250 nghìn lượt); tổng thu từ khách du lịch đạt trên 3.200 tỷ đồng; có 766 cơ sở lưu trú với 12.777 buồng phòng giải quyết việc làm cho 8000 lao động trong lĩnh vực du lịch.

Ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù như: Du lịch theo dấu chân Phật Hoàng Trần Nhân Tông; du lịch trên dòng sông quan họ; du lịch cuối tuần với các khu nghỉ dưỡng sinh thái, làng sinh thái trên núi; du lịch thể thao cao cấp như golf, thể thao khám phá cao cấp... Duy trì và phát triển sản phẩm du lịch chính: Du lịch văn hóa - tâm linh; lịch sử - văn hóa; nghỉ dưỡng sinh thái; du lịch cộng đồng; du lịch sinh thái; du lịch về nguồn. Phát triển sản phẩm du lịch bổ trợ: Du lịch thể thao mạo hiểm, vui chơi giải trí, lễ hội - sự kiện; du lịch làng nghề; mua sắm; hội nghị, hội thảo...

Tập trung quy hoạch, thu hút đầu tư, xây dựng 3 khu du lịch có quy mô lớn, thương hiệu nổi bật, tạo sức lan tỏa cho phát triển du lịch của tỉnh và trở thành khu du lịch quốc gia, gồm: (1) Khu du lịch Tây Yên Tử - theo dấu chân Phật Hoàng Trần Nhân Tông với chuỗi các di tích chùa Vĩnh Nghiêm, Bát Nhã, Hàm Long, Nam Riêng, Đám Trì, Hòn Tháp, Hòn Trứng, Mã Yên, Hồ Bắc, Khả Lã, suối Mỡ, Am Vãi, Tây Yên Tử; (2) Khu du lịch sinh thái, miệt vườn, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí Lục Ngạn với khu vực trung tâm hồ Khuôn Thân; (3) Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí núi Nham Biền.

2. Ngành, sản phẩm khác

(1) Dịch vụ thông tin và truyền thông

Xây dựng hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông, mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở phủ khắp toàn tỉnh với công nghệ hiện đại, dung lượng lớn, tốc độ cao, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, đảm bảo kết nối với các tỉnh, thành trong vùng và cả nước, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất, dịch vụ, nâng cao dân trí khu vực nông thôn.

Ứng dụng công nghệ thông tin sâu rộng trong nhiều lĩnh vực và trở thành một trong những yếu tố quan trọng nhất của sự phát triển kinh tế xã hội, tạo điều kiện để thúc đẩy hội nhập trên địa bàn tỉnh cũng như trên toàn quốc. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn; công khai, minh bạch các hoạt động của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

Nâng cao chất lượng dịch vụ thông tin truyền thông trong các lĩnh vực: bưu chính, viễn thông, dịch vụ phát hành báo chí đáp ứng nhu cầu thông tin của các cơ quan, tổ chức và nhu cầu được thông tin của nhân dân.

(2) Dịch vụ kinh doanh bất động sản

Quy hoạch đồng bộ mạng lưới các đô thị, khu đô thị, dân cư mới. Đầu tư các khu đô thị mới, đồng bộ, hiện đại, theo hướng thông minh, đáp ứng nhu cầu của người dân; xây dựng nhà ở công nhân, cho người thu nhập thấp xung quanh các KCN lớn của tỉnh...

(3) Dịch vụ tài chính, ngân hàng và bảo hiểm

Tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ tài chính, ngân hàng và bảo hiểm theo hướng hiện đại, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của các doanh nghiệp và người dân; phấn đấu tăng trưởng dư nợ tín dụng tăng bình quân 13-15%/năm, mở thêm ít trên 3 chi nhánh và trên 30 phòng giao dịch của các tổ chức tín dụng trên địa bàn; mở thêm trên 120 cây ATM, trên 1.500 máy POS; đa dạng hóa các loại hình bảo hiểm, duy trì

100% người dân có BHYT với nhiều mức khác nhau; trên 62% lực lượng lao động tham gia BHXH...

(4) Dịch vụ công

Tiếp tục nâng cao chất lượng các dịch vụ công phục vụ công tác Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang, an sinh xã hội, quản lý nhà nước, y tế, giáo dục, khoa học và công nghệ ...

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Phát triển mạnh các dịch vụ giá trị gia tăng cao để nâng cơ cấu ngành dịch vụ trong cơ cấu kinh tế: tiếp tục phát triển các dịch vụ thiết yếu như thương mại, bán buôn, bán lẻ để đáp ứng nhu cầu dịch vụ cơ bản của nhân dân. Ưu tiên phát triển các sản phẩm như dịch vụ logistics, du lịch, dịch vụ tài chính – ngân hàng, thông tin truyền thông, dịch vụ xã hội, đưa các sản phẩm này chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu ngành dịch vụ và cơ cấu kinh tế của tỉnh.

II. PHÂN BỐ KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ

1. Các trung tâm đầu mối thương mại, logistics liên vùng, nội tỉnh

Các hoạt động thương mại, lưu chuyển, thu, phát các luồng hàng hóa, sản phẩm chính trên địa bàn tỉnh phân bố tập trung tại 4 khu vực gồm: (1) khu vực trung tâm tỉnh thuộc thành phố Bắc Giang và phụ cận; (2) khu vực tập trung công nghiệp và dân cư Nam- Tây Nam tỉnh thuộc các huyện Việt Yên, Hiệp Hòa, Yên Dũng và phần phía Tây huyện Lục Nam; (3) khu vực Bắc- Đông Bắc tỉnh, vùng nông nghiệp và sản xuất tập trung đặc sản vải quả tiêu thụ trong nước, xuất khẩu thuộc huyện Lục Ngạn và một phần các huyện Lục Nam, Lạng Giang, Sơn Động; (4) khu vực Tây- Tây Bắc tỉnh, vùng sản xuất nông lâm nghiệp và chăn nuôi tập trung đặc sản gia cầm thuộc các huyện Yên Thế, Tân Yên. Theo đó, bố trí các tuyến hành lang, trung tâm đầu mối thương mại, logistics liên vùng, liên khu vực trong tỉnh như sau.

1.1. Phân bố các tuyến hành lang thương mại liên vùng, liên khu vực trong tỉnh

a) Các hành lang thương mại Bắc – Nam:

1)- Hành lang thương mại Bắc – Nam: theo tuyến QL1A, cao tốc Hà Nội- Bắc Giang- Lạng Sơn (liên khu vực Việt Yên – TP Bắc Giang – Lạng Giang).

2)- Hành lang thương mại Bắc – Nam phía Tây: theo tuyến QL17, ĐT295B nối với QL18, cao tốc Nội Bài- Hạ Long, liên vùng Bắc Ninh- Bắc Giang- Thái Nguyên (liên khu vực Yên Dũng-Việt Yên – TP Bắc Giang – Tân Yên- Yên Thế).

3)- Hành lang thương mại Bắc – Nam cận phía Đông: theo tuyến QL37 nối với QL1A, cao tốc Hà Nội- Lạng Sơn, liên vùng Hải Dương - Bắc Giang- Lạng Sơn (liên khu vực Lục Nam- Lạng Giang).

4)- Hành lang thương mại Bắc – Nam phía Đông: theo tuyến QL279-QL31 nối với QL1A, cao tốc Hà Nội- Lạng Sơn, liên vùng Quảng Ninh - Bắc Giang- Lạng Sơn (liên khu vực Sơn Đông- Lục Ngạn).

b) Các hành lang thương mại Đông – Tây:

1)- Hành lang thương mại Đông- Tây phía Nam: theo tuyến QL37- QL17, ĐT398 nối với QL18, cao tốc Nội Bài- Hạ Long, liên vùng Bắc Hà Nội (Sóc Sơn), Thái Nguyên- Bắc Giang- Bắc Ninh (liên khu vực Hiệp Hòa- Việt Yên- Yên Dũng).

2)- Hành lang thương mại Đông- Tây khu vực giữa tỉnh: theo tuyến QL37-ĐT295B- QL31, liên vùng Bắc Hà Nội, Thái Nguyên- Bắc Giang- Lạng Sơn (liên khu vực Hiệp Hòa- Việt Yên- TP Bắc Giang- Lục Nam- Lục Ngạn- Sơn Động).

3)- Hành lang thương mại Đông- Tây cận phía Bắc tỉnh: theo tuyến ĐT295 nối với QL31, liên khu vực Hiệp Hòa (TT Thắng)- Tân Yên (TT Cao Thượng) – Lạng Giang (TT Vôi) - Lục Nam (TT Đồi Ngô) - Lục Ngạn (TT Chũ).

4)- Hành lang thương mại Đông- Tây phía Bắc tỉnh: theo tuyến ĐT292-ĐT294 nối với QL37, QL31 liên khu vực Tân Yên (TT Nhã Nam)- Yên Thế (TT Phồn Xương)- Lạng Giang (TT Kép)- Lục Nam (TT Đồi Ngô)- Lục Ngạn (TT Chũ)

1.2. Phân bố các trung tâm đầu mối dịch vụ thương mại, logistics liên vùng, liên khu vực trong tỉnh

Bố trí phát triển các trung tâm đầu mối dịch vụ thương mại lưu chuyển hàng hóa, sản phẩm khu vực huyện, liên huyện trong tỉnh chủ yếu tại các đô thị trung tâm huyện, các khu cửa ngõ đầu mối giao thương trên các tuyến hành lang thương mại chính và tại một số khu vực tập trung KCN, CCN. Phân bố phát triển 04 khu vực, gồm:

1)- Trung tâm dịch vụ thương mại, logistics liên vùng TP Bắc Giang: Phát triển thành trung tâm dịch vụ thương mại, logistics liên vùng và liên các khu vực trong tỉnh, trung tâm giao dịch và trung chuyên thu phát các luồng hàng đi các khu vực huyện, liên huyện trong tỉnh, lưu chuyển hàng đa phương thức trên cơ sở hoàn thành đầu tư xây dựng Trung tâm logistics quốc tế thành phố Bắc Giang và mở rộng diện tích 35,7ha; xây dựng cảng thủy nội địa (khoảng 19,8ha) trên đê Hữu Thương khu vực cầu Xương Giang đến cầu Mỹ Độ, thuộc xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang.

2)- Trung tâm dịch vụ thương mại, cảng cạn khu vực phía Nam (Nénh-Quang Châu): Phát triển là trung tâm dịch vụ thương mại, lưu chuyển hàng hóa, sản phẩm cho khu vực tập trung KCN, CCN phía Nam tỉnh (thuộc Việt Yên, Hiệp Hòa và một phần huyện Yên Dũng). Xây dựng cảng cạn (ICD) quy mô 50 ha tại Quang Châu (Việt Yên).

3)- Trung tâm dịch vụ thương mại khu vực phía Bắc (Kép- Hương Sơn, Lạng Giang): Bố trí phát triển là trung tâm dịch vụ thương mại, kho vận chủ yếu phục vụ lưu chuyển, xuất khẩu hàng hóa, sản phẩm đi cửa khẩu quốc tế phía Bắc (khu cửa khẩu

Đồng Đăng) theo cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng. Xây dựng cảng cạn quy mô 25 ha tại xã Hương Sơn (Lạng Giang).

4)- Trung tâm dịch vụ thương mại, kho bãi khu vực cửa ngõ phía Đông (An Châu, Sơn Động): Phát triển là trung tâm dịch vụ thương mại chủ yếu phục vụ trung chuyển xuất khẩu hàng nông sản đi cửa khẩu Lạng Sơn (Cửa khẩu Chi Ma), cảng biển và cửa khẩu Quảng Ninh theo các tuyến QL31 và QL279. Xây dựng cảng cạn quy mô 30ha tại xã An lập, huyện Sơn Động (cạnh QL31).

5)- Trung tâm dịch vụ thương mại, cảng cạn khu vực cửa ngõ phía Đông - Nam (Yên Sơn, Lục Nam): Phát triển là trung tâm dịch vụ thương mại chủ yếu phục vụ trung chuyển xuất khẩu hàng công nghiệp (khu vực tập trung các KCN lớn của tỉnh trong tương lai) đi Hải Phòng và Quảng Ninh. Xây dựng cảng cạn quy mô 60ha tại xã Yên Sơn, huyện Lục Nam (bên phải đường Vành đai V, hướng Bắc Giang- Hải Dương, trên sông Lục Nam).

2. Phân bố phát triển không gian du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hóa, thể thao giải trí

Mở rộng phát triển không gian du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hóa, thể thao giải trí gắn với các danh lam thắng cảnh, di tích văn hóa lịch sử của tỉnh để phục vụ phát triển du lịch và nhu cầu trong tỉnh, Vùng Thủ đô Hà Nội, các khu vực xung quanh. Ưu tiên phát triển các khu du lịch theo hướng liên kết không gian du lịch vùng, các địa phương xung quanh, kết nối hình thành các tuyến, tour du lịch liên vùng (Hà Nội- Bắc Ninh- Bắc Giang- Lạng Sơn, Hà Nội- Bắc Giang- Quảng Ninh- Hà Nội, Hà Nội- Quảng Ninh- Bắc Giang- Hà Nội, Thái Nguyên- Bắc Giang- Quảng Ninh,...).

Tập trung quy hoạch, thu hút đầu tư, xây dựng 3 khu du lịch có quy mô lớn, thương hiệu nổi bật, tạo sức lan tỏa cho phát triển du lịch của tỉnh và trở thành khu du lịch quốc gia, gồm: (1) Khu du lịch Tây Yên Tử - theo dấu chân Phật Hoàng Trần Nhân Tông với chuỗi các di tích chùa Vĩnh Nghiêm, Bát Nhã, Hàm Long, Nam Biền, Đám Trì, Hòn Tháp, Hòn Trứng, Mã Yên, Hồ Bắc, Khả Lã, suối Mỡ, Am Vãi, Tây Yên Tử; (2) Khu du lịch sinh thái, miệt vườn, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí Lục Ngạn với khu vực trung tâm hồ Khuôn Thần; (3) Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí núi Nham Biền.

2.1. Phân bố không gian các khu vực tập trung du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hóa, thể thao giải trí

(1) Không gian du lịch Tây Yên Tử (Tả ngạn sông Lục Nam), bao gồm một phần huyện Yên Dũng, Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động - khu vực phía Đông tỉnh.

Phát triển du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, dã ngoại, kết hợp du lịch cộng đồng, phân bố không gian các khu vực du lịch, nghỉ dưỡng chính gồm:

- Hệ thống các di tích theo con đường bộ hành của Phật tổ Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử, gồm chùa Vĩnh Nghiêm, Bát Nhã, Hàm Long, Nam Riêng, Đám Trì, Hòn Tháp, Hòn Trứng, Mã Yên, Hồ Bắc, Khả Lã, suối Mỡ, Am Vải và Khu Đồng Thông và phụ cận - khu trung tâm du lịch: thuộc khu vực TT Tây Yên Tử (Sơn Động);

- Khu suối Nước Vàng (xã Lục Sơn, huyện Lục Nam);
- Khu suối Mỡ (xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam);
- Khu bảo tồn thiên nhiên Khe Rỗ (xã Vĩnh An, huyện Sơn Động);
- Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử (thị trấn Tây Yên tử, huyện Sơn Động);
- Thác Ba tia (thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động);
- Khu cao nguyên Đòng Cao (xã Phúc Sơn, Vân Sơn, huyện Sơn Động);
- Khu hồ Khe Chảo (xã Long Sơn, huyện Sơn Động);
- Khu núi Am Vải (xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn);

(2) Không gian du lịch sinh thái nông nghiệp, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí (Hữu ngạn sông Lục Nam, tả ngạn sông Thương), gồm huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Lạng Giang - khu vực phía Đông Bắc tỉnh.

Phát triển du lịch nghỉ dưỡng, thể thao giải trí gắn với cảnh quan sinh thái hồ, rừng, kết hợp du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái vườn đồi cây ăn quả đặc sản. Phân bố không gian các khu vực du lịch, nghỉ dưỡng, gồm:

- Khu hồ Khuôn Thần (xã Kiên Lao, Lục Ngạn): trung tâm du lịch khu vực;
- Khu hồ suối Nứa (xã Đông Hưng, huyện Lục Nam);
- Khu hồ Làng Thum (xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn);
- Khu hồ Cao (xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang);
- Khu sinh thái Vườn cò (xã Đào Mỹ, huyện Lạng Giang);
- Cây Dã Hương nghìn năm tuổi (xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang);
- Khu trung tâm du lịch sinh thái vườn cây ăn quả đặc sản kết hợp du lịch cộng đồng - Lục Ngạn: khu vực các xã Quý Sơn, Trù Hựu, Tân Mộc, Hồng Giang, Giáp Sơn.

(3) Không gian du lịch gắn với Khởi nghĩa Yên Thế (hữu ngạn sông Thương- tả ngạn sông Cầu), gồm huyện Yên Thế, huyện Tân Yên - khu vực phía Tây Bắc tỉnh.

Phát triển du lịch thăm quan di tích lịch sử, văn hóa kết hợp du lịch sinh thái, cộng đồng, ẩm thực đặc sản. Phân bố không gian các khu vực tập trung du lịch, gồm:

- Khu quần thể di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Khởi nghĩa Yên Thế (23 di tích thuộc các huyện Yên Thế, Tân Yên, Việt Yên, Yên Dũng);
- Khu lưu niệm Sáu điều Bác dạy Công an nhân dân (thị trấn Nhã nam, huyện Tân Yên);

- Đồi văn nghệ kháng chiến (xã Quang Tiến, huyện Việt Yên);
- Khu thác Ngà - suối Ven (xã Xuân Lương, huyện Yên Thế);
- Khu núi Dành (xã Liên Chung, Việt Lập, huyện Tân Yên);
- Khu sinh thái hồ Cầu Rễ (xã Tam Tiến, huyện Yên Thế);
- Khu hồ Suối Cây (xã Đồng Hưu, huyện Yên Thế);

(4) Không gian văn hóa Quan họ, lịch sử ATK (Nam hữu ngạn sông Thương- tả ngạn sông Cầu), gồm huyện Việt Yên, Hiệp Hòa - khu vực Tây Nam tỉnh.

Phát triển du lịch văn hóa nghệ thuật, thăm quan di tích, đình chùa gắn với an toàn khu; làng nghề, du lịch sinh thái, thể thao giải trí gắn với không gian cảnh quan sinh thái vùng đồng bằng xen gò đồi sông Cầu, sông Thương. Phân bố không gian các khu vực tập trung du lịch, gồm:

- Khu làng Quan họ, Ca trù Bắc Giang ven sông Cầu;
- Khu chùa Bồ Đà – Di tích quốc gia đặc biệt (xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên);
- Đình Lỗ Hạnh – Di tích quốc gia, danh xưng đệ nhất Kinh Bắc (xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa);
- Đình chùa Y Sơn (xã Hòa Sơn, - Hiệp Hòa), Đình Xuân Biều – Nơi diễn ra cuộc khởi nghĩa giành chính quyền đầu tiên của cả nước (xã Xuân Cẩm, Hiệp Hòa);
- Làng nghề thổ Hà, gắn với rượu làng Vân (xã Vân Hà, huyện Việt Yên);

(5) Không gian dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí, lịch sử, tâm linh, nghỉ dưỡng (tả ngạn sông Cầu, tả - hữu sông Thương), bao gồm thành phố Bắc Giang, huyện Yên Dũng - khu vực trung tâm và phía Nam tỉnh;

Phát triển du lịch văn hóa, thể thao giải trí, du lịch mua sắm, ẩm thực, trung tâm cung ứng các dịch vụ du lịch, kết nối thu, phát, trung chuyển các tua du lịch trong tỉnh và liên vùng, du lịch nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi giải trí gắn với núi Nham Biền, đồi Quảng Phúc. Các khu vực tập trung hoạt động du lịch, gồm:

- Khu di tích quốc gia đặc biệt chiến thắng Xương Giang - Đền Xương Giang; chùa Kem, Thiền Viện Trúc Lâm Phương Hoàng (thị trấn Nham Biền, Yên Dũng)
- Khu phố du lịch: hình thành khu phố du lịch, phố ẩm thực, phố đi bộ chợ đêm, bán đồ lưu niệm, đặc sản địa phương và vùng miền.
- Khu đô thị công viên sinh thái, thể thao, giải trí Nham Biền (bao gồm cả khu vực xã Tân Tiến và vạt đất núi Nham Biền nhìn ra sông Thương.
- Sân golf dịch vụ Yên Dũng, sân golf Yên Hà (xã Tiên Phong, Yên Lư, huyện Yên Dũng; Vân Trung huyện Việt Yên)
- Khe hang Dầu (thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng)

2.2. Khu, điểm du lịch trọng điểm

Tập trung quy hoạch, thu hút đầu tư, xây dựng 3 khu du lịch có quy mô lớn, thương hiệu nổi bật, tạo sức lan tỏa cho phát triển du lịch của tỉnh và trở thành khu du lịch quốc gia, gồm:

2.2.1. Khu du lịch cấp quốc gia

Bố trí 3 khu du lịch phát triển trở thành khu du lịch cấp quốc gia, gồm:

(1) *Khu du lịch Tây Yên Tử - theo dấu chân Phật tổ thiền phái Trúc Lâm Yên Tử* (thuộc Yên Dũng, Sơn Động và vùng tả sông Lục Nam của 2 huyện Lục Nam-Lục Ngạn): Phát triển là trung tâm du lịch sinh thái, dã ngoại, nghỉ dưỡng phía Bắc- Đông Bắc của Vùng Thủ đô Hà Nội và khu vực xung quanh. Xây dựng thành khu du lịch danh lam thắng cảnh - hành hương Phật giáo Thiền tông cấp quốc gia với trung tâm là khu Đồng Thông (thị trấn Tây Yên Tử, Sơn Động); quy mô khu du lịch trên 95.000 ha (trong đó khu Tây Yên Tử quy mô trên 807ha).

(2) *Khu du lịch sinh thái, miệt vườn, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí Lục Ngạn với trung tâm hồ Khuôn Thần* (khu vực các xã Kiên Lao, An Dương, Tân Mộc, Hồng Giang, Quý Sơn, Trù Hựu - Lục Ngạn; xã Đông Hưng, huyện Lục Nam): Phát triển là trung tâm du lịch sinh thái, miệt vườn, nghỉ dưỡng, thể thao giải trí quy mô quốc gia với trung tâm là khu hồ Khuôn Thần; quy mô khu trung tâm 873ha.

(3) *Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí núi Nham Biền* (thuộc khu vực TT Nham Biền, các xã Nội Hoàng, Tiên Phong, Tân Liễu, Yên Lư, huyện Yên Dũng và xã Tân Tiến, Đông Sơn, TP Bắc Giang; xã Vân Trung, huyện Việt Yên): Phát triển thành trung tâm du lịch sinh thái, dã ngoại, thể thao giải trí, nghỉ dưỡng quy mô quốc gia; quy mô vùng trên 8.000 ha, quy mô khu trung tâm trên 1.900ha.

2.2.2. Khu du lịch cấp tỉnh

Bố trí 4 khu du lịch phát triển trở thành khu du lịch cấp tỉnh, với quy mô trên 3.600 ha, gồm:

(1) Khu du lịch văn hóa, vui chơi giải trí Đồng Cao, xã Phúc Sơn, huyện Sơn Động, quy mô khu du lịch trên 1.000ha.

(2) Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hóa Bản Ven - Xuân Lung - Thác Ngà, xã Xuân Lương, huyện Yên Thế, quy mô khu du lịch trên 1.000 ha.

(3) Khu du lịch văn hóa, tâm linh, sinh thái nghỉ dưỡng Tiên Sơn - Vân Hà, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, quy mô khu du lịch trên 1.000 ha.

(4) Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí Hương Sơn, huyện Lạng Giang, quy mô trên khu du lịch khoảng 1.000 ha.

2.3. Khu chức năng dịch vụ tổng hợp nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao

2.3.1. Phương án bố trí đến năm 2030

Quy hoạch 11 khu chức năng tổng hợp sân golf và nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, trong đó:

a) Sân golf và nghỉ dưỡng đang triển khai thực hiện (03 sân golf):

(1) Khu sân golf và dịch vụ Yên Dũng tại xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng; quy mô 36 hố, diện tích 150,27 ha, đã khai thác giai đoạn 1 (18 hố), đang đầu tư giai đoạn 2.

(2) Khu sân golf Việt Yên tại các xã Hương Mai và Trung Sơn, huyện Việt Yên; quy mô 36 hố, diện tích 140ha (Quyết định 835/QĐ-TTg ngày 15/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ). Trong đó: Diện tích đất sân golf là 136,82ha, còn lại là đất dịch vụ đô thị.

(3) Khu sân golf và nghỉ dưỡng Bắc Giang tại các xã Chu Điện, Khám Lạng và Yên Sơn, huyện Lục Nam; quy mô 36 hố, diện tích 140ha (Quyết định 838/QĐ-TTg ngày 15/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ), trong đó: Diện tích đất sân golf là 96,9ha, còn lại là đất dịch vụ đô thị.

b) Bố trí quy hoạch mới 08 khu chức năng tổng hợp sân golf và nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí:

(1) Khu sân golf và nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi giải trí Khuôn Thần tại xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn: Diện tích 873 ha, trong đó diện tích đất sân golf là 81,5ha, đất du lịch nghỉ dưỡng, dịch vụ, vui chơi giải trí, đô thị 791,5 ha. Đây là khu vực chủ yếu là đất rừng sản xuất, cảnh hồ Khuôn Thần, cảnh đẹp, rừng bao bọc; Tỉnh Bắc Giang xác định khu vực hồ Khuôn Thần sẽ hình thành khu du lịch quốc gia, với tính chất là khu du lịch, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi giải trí hàng đầu, trong đó sân golf là một hạng mục đầu tư quan trọng.

(2) Khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao Nham Biền, tại các xã Tân Liễu, Tiên Phong, huyện Yên Dũng; xã Tân Tiến, Đông Sơn, thành phố Bắc Giang. Quy mô 1.500 ha. Tính chất của khu phát triển các dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao (golf), khu đô thị sinh thái ... Đây là khu vực gồm đất nông nghiệp, đất rừng; dự kiến phát triển trở thành một phần khu du lịch quốc gia Nham Biền. Khu vực nối liền nội thị thành phố Bắc Giang, 2 bên dòng sông Thương với dãy Nham Biền... do đó rất có tiềm năng thu hút đầu tư, phát triển khu dịch vụ tổng hợp.

(3) Khu sân golf và nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi giải trí Hồ Cao tại xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang: Diện tích 420 ha, trong đó diện tích đất sân golf là 75,38 ha, đất dịch vụ, du lịch vui chơi giải trí, đô thị 344,62ha. Đây là khu vực chủ yếu là đất rừng sản xuất, cảnh hồ Hồ Cao, cảnh đẹp, rừng bao bọc, dự kiến sẽ hình thành khu du lịch cấp tỉnh với tính chất là khu du lịch, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi giải trí, trong đó có sân golf.

(4) Khu sân golf và nghỉ dưỡng Lục Nam tại xã Đông Hưng, huyện Lục Nam: Diện tích 534 ha (bao gồm cả khu tâm linh sinh thái Cai Vàng), trong đó đất sân golf 82,21 ha, còn lại đất dịch vụ đô thị và quy hoạch đất khác. Đây là khu vực chủ yếu là đất

rừng sản xuất, cạnh hồ suối Nứa, cảnh đẹp, rừng bao bọc; Tỉnh đang đầu tư tuyến đường kết nối QL31 với cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn đi qua, có thể phát triển thành khu du lịch, nghỉ dưỡng, thu hút đầu tư, phát triển du lịch golf.

(5) Sân golf Yên Thế tại xã Tiến Thắng, huyện Yên Thế: Diện tích 210ha, trong đó đất sân golf là 180ha, đất dịch vụ đô thị 30ha. Đây là khu vực chủ yếu là đất rừng sản xuất, xung quanh cạnh hồ Cầu Rẽ, có cảnh quan đẹp, có tiềm năng lớn để thu hút đầu tư, phát triển du lịch golf.

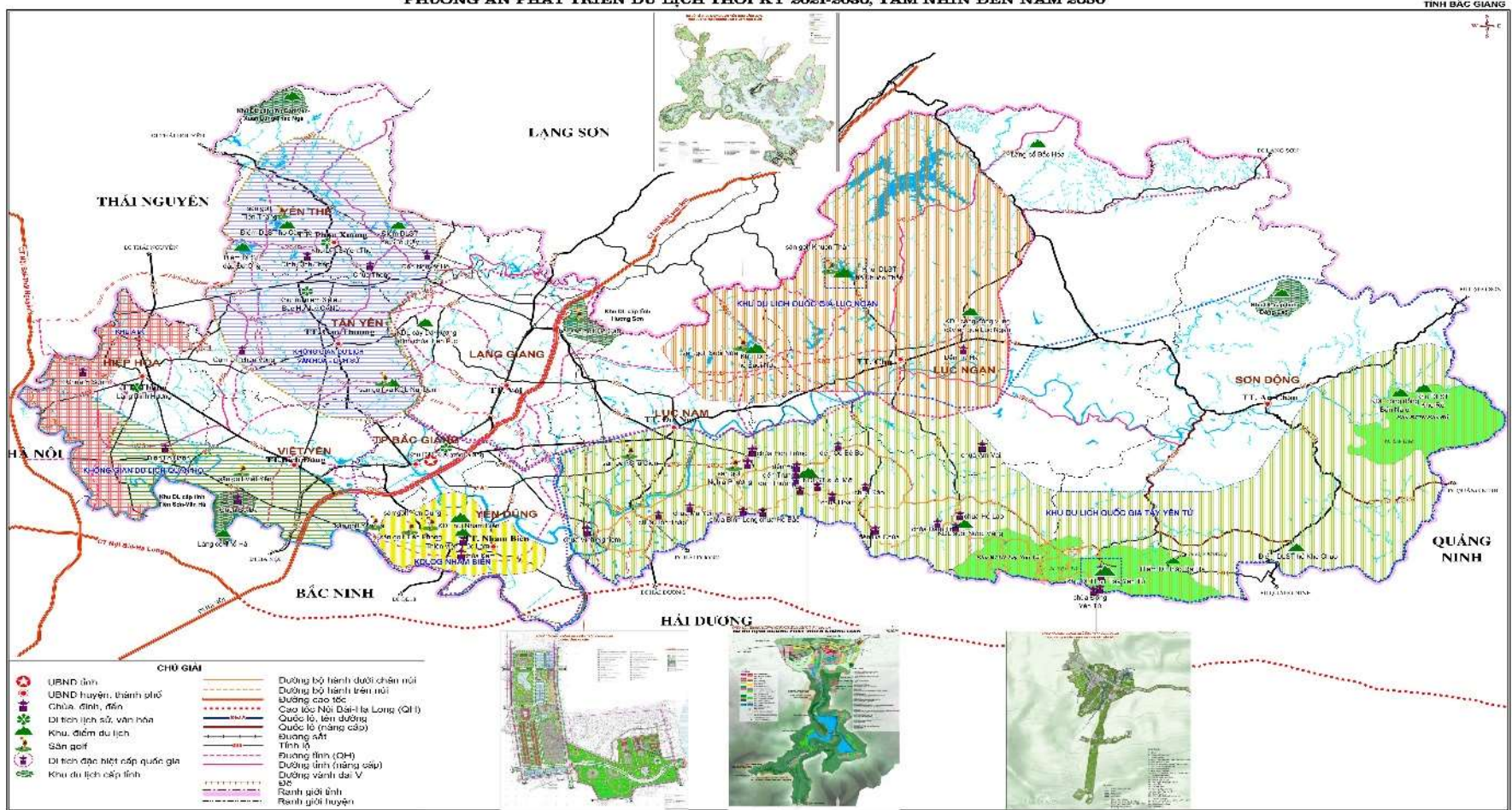
(6) Sân golf và khu nghỉ dưỡng tại Núi Dành, xã Liên Chung, huyện Tân Yên: Diện tích 200ha, trong đó đất sân golf là 160ha, đất du lịch nghỉ dưỡng, dịch vụ, đô thị 40ha. Đây là khu vực có cảnh quan đẹp, tiềm năng để phát triển thành khu du lịch với các dịch vụ nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao, golf.

(7) Sân golf Yên Hà tại xã Yên Lư, huyện Yên Dũng và xã Vân Trung, huyện Việt Yên: Diện tích 200 ha, trong đó đất sân golf là 145 ha, đất dịch vụ đô thị, đất quy hoạch khác 55ha. Đây là khu vực chủ yếu là đất rừng sản xuất, gần các KCN tập trung của tỉnh, đường vành đai IV kéo dài kết nối với cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn; nằm trong quy hoạch khu du lịch quốc gia Nham Biền; có tiềm năng lớn để thu hút đầu tư, phát triển du lịch golf.

(8) Khu sân golf và nghỉ dưỡng Lục Nam tại xã Cương Sơn, Nghĩa Phương, huyện Lục Nam: Diện tích 200 ha, trong đó sân golf là 160ha, đất dịch vụ đô thị, đất quy hoạch khác 40ha. Đây là khu vực chủ yếu là đất rừng sản xuất, gần thị trấn Đồi Ngô, cạnh đường tỉnh 293 trên tuyến du lịch Tây Yên Tử, dự kiến phát triển trở thành khu du lịch quốc gia. Khu vực phát triển tập trung các KCN lớn nhất của tỉnh gồm KCN Yên Sơn, Bắc Lũng, Vũ Xá, Cẩm Lý... do đó rất có tiềm năng thu hút đầu tư, phát triển du lịch golf gắn với du lịch và nhu cầu thể thao, giải trí nhà đầu tư.

Hình 2: Không gian phát triển du lịch tỉnh Bắc Giang

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN DU LỊCH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050



3. Quy hoạch chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, kho xăng dầu

3.1. Hạ tầng chợ

Đến năm 2030 có 142 chợ, trong đó:

- Xóa bỏ **04** chợ, bao gồm: các chợ Bảo Đài, Đồi Ngô, huyện Lục Nam; chợ Hợp Đức, huyện Tân Yên, chợ Can Vang, huyện Việt Yên;

- Giữ nguyên **129** chợ giai đoạn trước;

- Xây dựng mới thêm **13** chợ, bao gồm:

+ Xây dựng mới thêm **02** chợ đầu mối (*chợ đầu mối Bắc Giang, dự kiến 70ha giáp đường mới xây dựng từ QL17 lên cầu Đồng Sơn; chợ đầu mối hoa quả Lục Ngạn, dự kiến 20ha, phố Kim, xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn*);

+ Xây dựng **11** chợ: *Chợ Xuân Lương, chợ thị trấn Cầu Gò (huyện Yên Thế); chợ xã Liên Sơn (huyện Tân Yên); chợ chuyên doanh rau củ quả xã Đình Trì, chợ xã Đồng Sơn, chợ xã Tân Tiến (thành phố Bắc Giang); chợ xã Quang Châu, chợ xã Vân Trung, chợ chuyên doanh thủy sản xã Nghĩa Trung (huyện Việt Yên); chợ xã Đông Việt, chợ xã Lão Hộ (huyện Yên Dũng)*;

- Di dời, xây mới: **05** chợ, bao gồm: *chợ Bảo Sơn, huyện Lục Nam; chợ Nội Hoàng, huyện Yên Dũng; Chợ Vát, huyện Hiệp Hòa; chợ Bích Động, chợ Nénh, huyện Việt Yên*.

- Nâng cấp, cải tạo: **12** chợ bao gồm: *chợ An Châu, chợ Thanh Sơn, chợ Long Sơn, huyện Sơn Động; chợ Đồng Hưu, chợ Đông Sơn, huyện Yên Thế; chợ Ké, chợ Đa Mai, chợ Mỹ Độ, TP Bắc Giang; chợ Vôi, chợ Chiến, huyện Lạng Giang; chợ Hoàng Thanh, huyện Hiệp Hòa; chợ Cung Kiệm, huyện Yên Dũng*.

3.2. Siêu thị, trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm

- Đến năm 2030 có 46 siêu thị, trong đó: Giữ nguyên 08 siêu thị; phát triển thêm 38 siêu thị mới (TP Bắc Giang: 03 siêu thị; TT Chũ: 03 siêu thị; các đô thị loại IV 07 siêu thị; các đô thị loại V 15 siêu thị, Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ 10 siêu thị...).

- Đến năm 2030, Quy hoạch 14 trung tâm thương mại, trong đó:

+ Giữ nguyên 04 TTTM giai đoạn trước (TTTM BigC, TTTM liên cơ quan, TTTM Hapro, TTTM Thị trấn Vôi); xóa bỏ 04 TTTM giai đoạn trước (TTTM Trung Tín, TTTM và khách sạn cao cấp Đồng mang cá, TTTM Huy Hoàng, TTTM dịch vụ tổng hợp Hải An I, II, III, IV);

+ Phát triển thêm 10 TTTM mới (TP Bắc Giang: 01 TTTM; TT Chũ: 01 TTTM; tại các đô thị loại IV có 03 TTTM; tại các đô thị loại V có 05 TTTM).

- Giai đoạn 2031-2050: có 19 TTTM, trong đó: Giữ nguyên 14 TTTM của giai đoạn trước, phát triển thêm 05 TTTM tại các đô thị để đáp ứng nhu cầu phát triển.

Quy hoạch xây dựng 01 Trung tâm thương mại - hội chợ - triển lãm quy mô vừa tại khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang để tổ chức kinh doanh thương mại hiện đại đa chức năng bao gồm cửa hàng, hội trường và hệ thống văn phòng cho thuê...

3.3. Hạ tầng logistics

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Trung tâm logistics quốc tế thành phố Bắc Giang; xây dựng cảng thủy nội địa (khoảng 8,5ha) gắn với Trung tâm logistics (khoảng 30ha) trên đê Hữu Thương khu vực cầu Xương Giang đến cầu Mỹ Độ, thuộc xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang.

3.4. Kho xăng dầu

Đến năm 2030, quy hoạch có 09 kho xăng dầu, với tổng sức chứa khoảng 35.000 m³, cụ thể: Duy trì 03 kho xăng dầu đã đi vào hoạt động, tổng sức chứa gần 8.700 m³, 02 kho đang đầu tư (kho xăng dầu Đồng Sơn và kho cảng tổng hợp của tại xã Quang Châu, Việt Yên); Hoàn thành kho xăng dầu Yên Sơn tại xã Yên Sơn, Lục Nam; quy hoạch mới 03 kho (tại xã Mai Đình, Hiệp Hòa, diện tích khoảng 03ha; tại xã Yên Lư, Yên Dũng, diện tích 02ha; tại xã Vân Trung, Việt Yên, diện tích khoảng 05ha).

4. Bố trí không gian phát triển kinh tế ban đêm

4.1. Thành phố Bắc Giang

- Bố trí không gian phố đi bộ gắn với Nhà hát thành phố, khu hội chợ, triển lãm, siêu thị BigC, khu nhà thi đấu thể thao tại khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang.

- Bố trí không gian các hoạt động dịch vụ kinh tế ban đêm tại khu vực Đồng Sơn (đầu cầu Á Lữ), quy mô 15 ha.

4.2. Khu vực tập trung KCN

- Khu dân cư dịch vụ My Điền thuộc thị trấn Nénh, huyện Việt Yên.

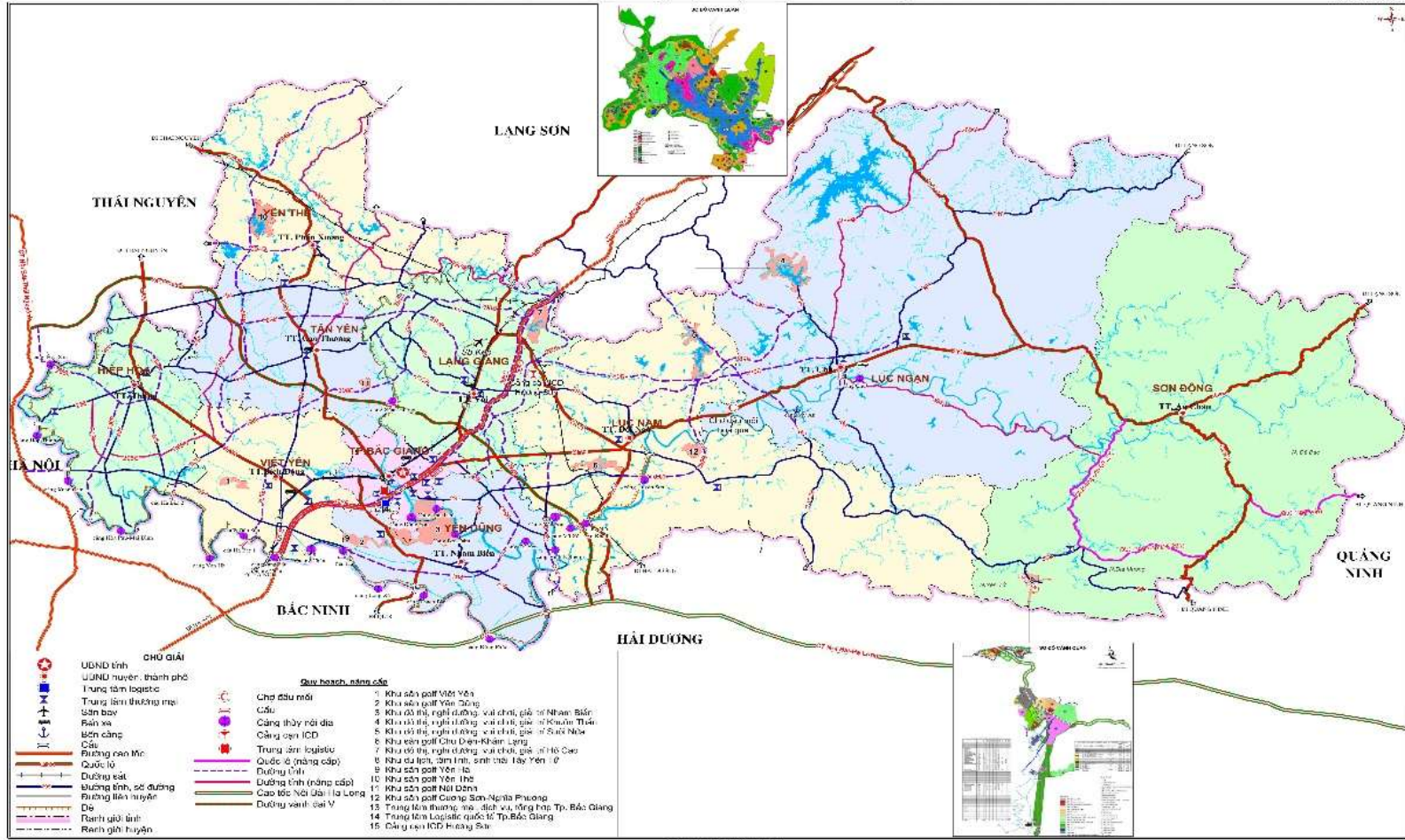
- Các khu đô thị dịch vụ gắn với các KCN (gồm khu dân cư Mandison Urban - Vân Trung, Bắc Quang Châu, khu A – khu đô thị Đình Trám – Sen Hồ, Tiên Sơn – Ninh Sơn, Yên Lư, Đức Giang, Xuân Cẩm – Hương Lâm ...).

4.3. Khu vui chơi, giải trí

Phát triển các loại hình dịch vụ tại các khu vui chơi, giải trí Nham Biền, Tây Yên Tử, hồ Khuôn Thần...

Hình 3: Quy hoạch dịch vụ tỉnh Bắc Giang đến năm 2030

BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050



5. Phân bố phát triển không gian dịch vụ xã hội

Duy trì mạng lưới phân bố không gian các cơ sở dịch vụ xã hội công lập, bán công. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động cung ứng dịch vụ phù hợp với từng khu vực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và liên kết vùng. Mở rộng phát triển mạng lưới các cơ sở dịch vụ xã hội ngoài công lập, đặc biệt là dịch vụ chuyên giao ứng dụng công nghệ, dịch vụ đào tạo, y tế có chất lượng cao. Phân bố các vùng và trung tâm dịch vụ xã hội của tỉnh, gồm:

5.1. Phân bố phát triển các vùng dịch vụ xã hội

1)- Vùng 1: (Vùng trọng điểm kinh tế tỉnh): Phát triển các dịch vụ xã hội chất lượng cao, hướng tới đạt tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, cung ứng dịch vụ cho phạm vi tỉnh, liên vùng. Chú trọng mở rộng phát triển mạng lưới các khu, điểm dịch vụ y tế, đào tạo, văn hóa giải trí, thể thao phục vụ người lao động tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Phát triển các cơ sở giáo dục, y tế chất lượng cao gắn với phát triển các khu nhà ở đô thị lớn.

2)- Vùng 2: (Vùng cao, địa bàn khó khăn): Thuộc khu vực huyện Sơn Động và một phần các huyện Lục Ngạn (các xã Sa Lý, Phong Minh, Phong Vân, Tân Sơn, Hộ Đáp, Sơn Hải, Cẩm Sơn, Kim Sơn, Tân Lập, Đèo Gia, Phú Nhuận), Yên Thế (Tiền Thắng, Đồng Vương, Đồng Tiên, Đồng Hưu, Canh Nậu), Lục Nam (Lục Sơn, Bình Sơn, Trường Sơn, Vô Tranh, Trường Giang). Phát triển các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu, nâng cấp các cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa thông tin công lập đạt tiêu chuẩn quốc gia. Khuyến khích mở rộng các hoạt động dịch vụ xã hội ngoài công lập.

3)- Vùng 3: (các khu vực khác trong tỉnh): Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện hệ thống cơ sở dịch vụ xã hội công lập các tuyến đạt đầy đủ theo tiêu chuẩn quốc gia và đáp ứng nhu cầu cung ứng dịch vụ. Khuyến khích mở rộng phát triển mạng lưới phân bố các cơ sở, điểm dịch vụ xã hội ngoài công lập về nông thôn và các khu vực có khu, cụm công nghiệp, khu, điểm du lịch, đầu mối giao lưu thương mại.

5.2. Phân bố các trung tâm dịch vụ xã hội

Duy trì phân bố phát triển trung tâm dịch vụ xã hội huyện tại các đô thị trung tâm huyện. Đối với toàn tỉnh và liên khu vực trong tỉnh, với điều kiện phát triển kinh tế- xã hội và đặc điểm không gian địa bàn tỉnh chạy dài từ Tây sang Đông, phân bố phát triển 03 trung tâm dịch vụ xã hội gồm:

1)- Trung tâm dịch vụ xã hội toàn tỉnh và liên vùng (TP Bắc Giang): Chủ yếu phân bố phát triển các cơ sở dịch vụ xã hội chất lượng cao, cung ứng dịch vụ cho phạm vi toàn tỉnh và một phần cho vùng. Bố trí hình thành phát triển các khu chức năng tập trung các cơ sở đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, cơ sở y tế, khu liên hợp thể thao, giải trí, công viên văn hóa, khu tập trung các cơ sở dịch vụ chuyên giao công nghệ, ứng dụng công nghệ cao.

2)- Trung tâm dịch vụ xã hội liên khu vực phía Đông tỉnh (TT Chũ): Bố trí phát triển các cơ sở dịch vụ đào tạo, y tế, văn hóa giải trí cung ứng dịch vụ có quy mô khu vực thuộc phạm vi liên huyện phía Đông xa trung tâm tỉnh (các huyện Lục Ngạn, Sơn Động và một phần phía Đông Lục Nam) đồng thời cung ứng dịch vụ y tế, thể thao, văn hóa giải trí tại chỗ cho khách du lịch và thương nhân đến hoạt động thương mại lưu thông tiêu thụ, xuất khẩu đặc sản vải quả trong vùng.

3)- Trung tâm dịch vụ xã hội liên khu vực phía Nam tỉnh (TT Bích Động-Nénh): Khai thác lợi thế về vị trí, điều kiện hạ tầng cho giao lưu liên kết phát triển trong ngoài tỉnh nhất là với trung tâm Vùng Thủ đô Hà Nội, bố trí tập trung các cơ sở cung ứng các dịch vụ y tế, đào tạo, văn hóa giải trí cho khu vực tập trung đông dân cư và các khu, cụm công nghiệp ở phía Nam tỉnh và khu vực xung quanh.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

1.1. Nghiên cứu, ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển dịch vụ

Tiếp tục xác định cơ chế, chính sách là yếu tố quan trọng hàng đầu trong thu hút, hỗ trợ đầu tư, phát triển dịch vụ. Tỉnh tiếp tục tập trung nghiên cứu một số cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư vào dịch vụ, tập trung vào hỗ trợ nhà đầu tư trong quy hoạch, hỗ trợ thủ tục pháp lý, bồi thường giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng giao thông kết nối, điện, nước ...

1.2. Tập trung thu hút nhà đầu tư chiến lược vào đầu tư một số ngành dịch vụ quan trọng

Tập trung xúc tiến đầu tư, truyền thông, hỗ trợ, mời gọi nhà đầu tư chiến lược có năng lực, thương hiệu vào đầu tư một số dự án trọng điểm về phát triển dịch vụ, gồm: Trung tâm dịch vụ thương mại tổng hợp (chợ đầu mối cấp vùng) tại thành phố Bắc Giang; Hệ thống cảng cạn, đường sông, ga đường sắt; khu du lịch lớn của tỉnh như hồ Khuôn Thần, chùa Bát Nhã, khu Nham Biền ...

1.3. Đầu tư hạ tầng

Tiếp tục đầu tư hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các loại hình dịch vụ, tập trung vào hạ tầng giao thông, vận tải; hạ tầng giao thông kết nối hệ trung tâm logistic với các cảng; kết nối giao thông trực tiếp giao thông chính đến các khu, điểm du lịch. Nâng cao tỷ lệ và chất lượng quy hoạch phân khu, chi tiết các khu đô thị, triển khai đầu tư đồng bộ, hiện đại có tầm nhìn dài hạn ...

1.4. Đào tạo nguồn nhân lực

Triển khai chủ động trong đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp; hỗ trợ đào tạo các doanh nghiệp trong đào tạo. Thực hiện đào tạo chuyên

sâu kỹ năng chuyên nghiệp cho người lao động trong hoạt động quản lý cũng như nhân viên.

1.5. Cải thiện năng lực cạnh tranh

Tiếp tục thực hiện cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế. Nâng cao trách nhiệm, sự năng động của người đứng đầu, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, chuyên nghiệp, tạo sự thuận lợi cho hoạt động của các nhà đầu tư. Cải thiện mạnh mẽ khả năng tiếp cận thông tin, đất đai ...

2. Giải pháp cụ thể đối với một số ngành, sản phẩm chủ yếu

(1) Dịch vụ bán buôn, bán lẻ (dịch vụ thương mại)

Quy hoạch, thu hút nhà đầu tư có tiềm lực đầu tư vào các Trung tâm dịch vụ tổng hợp cấp vùng tại trung tâm dịch vụ của tỉnh là thành phố Bắc Giang; các siêu thị, trung tâm thương mại tại các huyện lỵ, các chợ nông thôn.

Xây dựng chuỗi liên kết cung ứng sản phẩm giữa các doanh nghiệp, HTX, các nhà sản xuất với các đầu mối bán buôn, bán lẻ, trong đó quan tâm đến giới thiệu, bán các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng có giá trị của tỉnh như gạo, rau, quả, gà ...

Xây dựng các trạm dừng nghỉ, điểm bán hàng, nông sản, sản phẩm tiêu thủ công nghiệp địa phương như vải thiều, mỳ chũ, mật ong, ba kích, khoai sọ, gà đồi ... phục vụ khách du lịch trên các tuyến đường quan trọng như QL1, ĐT293, các tuyến du lịch chủ yếu.

Đa dạng hóa các hình thức bán hàng truyền thống trực tiếp tại các chợ với hình thức bán hàng hiện đại tại các trung tâm thương mại, siêu thị với các hình thức thương mại điện tử, bán hàng qua mạng. Kết hợp với khai thác du lịch mua sắm để khai thác khách hàng ...

(2) Dịch vụ vận tải, kho bãi, logistic

Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Trung tâm logistic quốc tế thành phố Bắc Giang. Quy hoạch, thu hút nhà đầu tư vào các cảng nội địa, cảng đường thủy, ga đường sắt, các tuyến xe buýt ...

Tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp vận tải, đặc biệt là các doanh nghiệp của tỉnh để nâng cao năng lực cạnh tranh với các doanh nghiệp ngoài địa bàn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của các khách hàng. Tăng cường liên kết, kết nối giữa các loại hình vận tải đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường hàng không như xây dựng các tuyến đường kết nối thuận lợi, ký hợp tác liên kết ... qua đó tạo thuận lợi cho chuỗi vận tải, kho bãi thông suốt.

Phát triển mạnh hình thức dịch vụ hậu cần vận tải đa phương thức và logistic từ vận tải, lưu kho, đóng gói, cung cấp ... đáp ứng yêu cầu của khách hàng là nhanh chóng, kịp thời, chất lượng ...

Xây dựng môi trường vận tải cạnh tranh, minh bạch; nâng dần tỷ trọng vận tải đường thủy để phát huy thế mạnh về cước vận tải rẻ của hình thức này.

(3) Dịch vụ du lịch

Quy hoạch và tập trung thu hút đầu tư, hỗ trợ mạnh mẽ của chính quyền đối với các doanh nghiệp để phát triển các khu du lịch quốc gia, cấp tỉnh. Đặc biệt quan tâm đến việc mời gọi các nhà đầu tư chiến lược vào phát triển du lịch của tỉnh.

Đa dạng hóa các hình thức thu hút khách du lịch. Xây dựng, quảng bá du lịch sự kiện, tour du lịch phù hợp với điều kiện thời tiết, theo mùa vụ trong năm; các chương trình kích cầu như giảm giá tour, khuyến mãi các dịch vụ du lịch... vào từng mùa du lịch; thường xuyên theo dõi, nghiên cứu, tìm hiểu thị trường, nắm bắt đặc điểm, nhu cầu, thị hiếu của từng đối tượng khách du lịch, để giới thiệu sản phẩm du lịch phù hợp với từng đối tượng khách trong từng giai đoạn phát triển; nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ như: Lưu trú du lịch, dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe, dịch vụ vận chuyển, vệ sinh công cộng, hỗ trợ thông tin... đảm bảo môi trường, an ninh và an toàn cho khách du lịch...

Đẩy mạnh khai thác các tuyến du lịch. Khai thác các tuyến du lịch liên tỉnh theo đường bộ kết nối Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Dương, Lạng Sơn, Thái Nguyên... các tuyến du lịch nội tỉnh: Tuyến du lịch kết nối từ thành phố Bắc Giang đi các huyện Yên Dũng, Lục Nam, Sơn Động, Lục Ngạn, Việt Yên, Tân Yên... Điều chỉnh, mở rộng khai thác tuyến du lịch mới: Tuyến du lịch chuyên đề (tâm linh, lịch sử, sinh thái, làng nghề); tuyến du lịch đường thủy trên sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam và kết nối sang Bắc Ninh, Hải Dương (Côn Sơn - Kiếp Bạc) theo đường bộ, đường thủy.

Tạo sự chuyển biến mạnh về liên kết trong phát triển du lịch. Quan tâm đẩy mạnh liên kết với các hãng lữ hành trên các lĩnh vực từ xúc tiến, quảng bá, xây dựng sản phẩm du lịch, đào tạo nguồn nhân lực; khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để có sự tham gia của các ngành khác nhau như nông nghiệp, thương mại về vốn đầu tư, công tác thị trường, công nghệ, cung cấp lương thực, thực phẩm, phát triển các sản phẩm lưu niệm... Liên kết giữa ngành du lịch và khoa học, công nghệ trong hợp tác, đầu tư, chuyển giao công nghệ và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch; quảng bá, tuyên truyền...

Tăng cường các hình thức tuyên truyền, quảng bá. Tổ chức các cuộc thi chọn biểu tượng (logo) và khẩu hiệu (slogan) cho du lịch Bắc Giang. Tăng cường nguồn kinh phí cho công tác xúc tiến, quảng bá du lịch. Xây dựng các ấn phẩm chuyên nghiệp, bắt mắt bằng nhiều thứ tiếng, ấn phẩm chuyên đề riêng (du lịch văn hóa - tâm linh, lịch sử - văn hóa, sinh thái...). Đa dạng hóa xúc tiến quảng bá qua các trang mạng xã hội như: facebook, fanpage, tài khoản twitter, instagram...; các diễn đàn đánh giá du lịch (Trip Advisor, Booking.com), tiếp thị trực tuyến.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác du lịch. Thu hút lao động có chất lượng cao từ các địa phương và khu vực khác; liên kết với các doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức cho các học viên đi thực tập thực tế tại các khách sạn lớn trên địa bàn tỉnh; tổ chức các hội thi, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng làm du lịch cho các chủ nhà hàng, khách sạn tại các khu, điểm du lịch, các huyện, thành phố.